

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải

BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Căn cứ Nghị định số 56/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Đường bộ Việt Nam và Chánh Văn phòng Bộ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 06 năm 2024.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Đường bộ Việt Nam, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- VPCP (Cục KSTTHC);
- UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Công TTĐT Bộ GTVT;
- Trung tâm CNTT;
- Lưu: VT, KSTTHC (03).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Duy Lâm

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, BÃI BỎ TRONG LĨNH
VỰC ĐƯỜNG BỘ THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ GIAO
THÔNG VẬN TẢI**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 545 /QĐ-BGTVT ngày 10 tháng 05 năm 2024
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

PHẦN DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

**1. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực
đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải**

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Cơ quan thực hiện
A. Thủ tục hành chính do cả Trung ương và địa phương giải quyết				
1	2.001002	Cấp Giấy phép lái xe quốc tế	Thông tư số 05/2024/TT-BGTVT ngày 31/3/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến lĩnh vực vận tải đường bộ, dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ, phương tiện và người lái.	Cục Đường bộ Việt Nam, Sở Giao thông vận tải
2	1.002300	Cấp lại Giấy phép lái xe quốc tế		
B. Thủ tục hành chính do địa phương giải quyết				
1	2.000769	Đổi, cấp lại Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng trường hợp Cơ sở đào tạo đã cấp Chứng chỉ không còn hoạt động	Thông tư số 05/2024/TT-BGTVT ngày 31/3/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến lĩnh vực vận tải đường bộ, dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ, phương tiện và người lái	Sở Giao thông vận tải
2	1.002835	Cấp mới Giấy phép lái xe		
3	1.002820	Cấp lại Giấy phép lái xe		
4	1.002809	Đổi Giấy phép lái xe do ngành Giao thông vận tải cấp		
5	1.002801	Đổi giấy phép lái xe do ngành Công an cấp		

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Cơ quan thực hiện
6	1.002804	Đổi Giấy phép lái xe quân sự do Bộ Quốc phòng cấp	Thông tư số 05/2024/TT-BGTVT ngày 31/3/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến lĩnh vực vận tải đường bộ, dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ, phương tiện và người lái	Sở Giao thông vận tải
7	1.002796	Đổi Giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài cấp		
8	1.002793	Đổi Giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài cấp cho khách du lịch nước ngoài lái xe vào Việt Nam		
9	1.002030	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng lần đầu		
10	2.000872	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có thời hạn		
11	1.001919	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời xe máy chuyên dùng		
12	1.001896	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng		
13	2.000847	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng bị mất		
14	2.000881	Sang tên chủ sở hữu xe máy chuyên dùng trong cùng một tỉnh, thành phố		
15	1.002007	Di chuyển đăng ký xe máy chuyên dùng ở		

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Cơ quan thực hiện
		khác tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương		
16	1.001994	Đăng ký xe máy chuyên dùng từ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác chuyển đến	Thông tư số 05/2024/TT- BGTVT ngày 31/3/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến lĩnh vực vận tải đường bộ, dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ, phương tiện và người lái	Sở Giao thông vận tải
17	1.001826	Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng		

**2. Danh mục thủ tục hành chính được bãi bỏ trong lĩnh vực đường bộ
thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải**

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Cơ quan thực hiện
A. Thủ tục hành chính do địa phương giải quyết				
1	1.001970	Cấp Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng	Thông tư số 05/2024/TT- BGTVT ngày 31/3/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến lĩnh vực vận tải đường bộ, dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ, phương tiện và người lái.	Cơ sở đào tạo



PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC ĐƯỜNG BỘ THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

1. Cấp Giấy phép lái xe quốc tế

1.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Cá nhân nộp đơn đề nghị cấp Giấy phép lái xe quốc tế (IDP) tại Cục Đường bộ Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải.

b) Giải quyết TTHC:

- Cá nhân khi nộp đơn trực tiếp tại Cục Đường bộ Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải, phải xuất trình bản chính giấy phép lái xe quốc gia do Việt Nam cấp, hộ chiếu, thẻ thường trú (đối với người nước ngoài) để thực hiện kiểm tra tính chính xác, hợp pháp của việc cấp IDP và phải hoàn thành nghĩa vụ nộp lệ phí khi được tiếp nhận hồ sơ theo quy định; khi nộp đơn qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến, cá nhân kê khai theo hướng dẫn và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, tính hợp pháp của nội dung đã kê khai, phải hoàn thành nghĩa vụ nộp lệ phí thông qua chức năng thanh toán lệ phí của hệ thống dịch vụ công trực tuyến và nộp phí sử dụng dịch vụ khác theo nhu cầu của cá nhân.

Trường hợp đơn đề nghị không đúng theo quy định, cơ quan tiếp nhận đơn có trách nhiệm thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến những nội dung cần bổ sung hoặc sửa đổi cho cá nhân trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận đơn;

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn đề nghị cấp IDP đúng theo quy định, Cục Đường bộ Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải thực hiện việc cấp IDP cho cá nhân; trường hợp không cấp IDP thì phải trả lời và nêu rõ lý do.

1.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp IDP theo mẫu quy định.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

1.4. Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn đề nghị cấp IDP đúng theo quy định.

1.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Cá nhân.

1.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Cục Đường bộ Việt Nam, Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cục Đường bộ Việt Nam, Sở Giao thông vận tải;
- Cơ quan phối hợp: Không có.

1.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

- Giấy phép lái xe quốc tế.

1.8. Phí, lệ phí:

- Nộp trực tiếp: 135.000 đồng/lần.
- Nộp trực tuyến: 115.000 đồng/lần.

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép lái xe quốc tế;
- Giấy phép lái xe quốc tế do Việt Nam cấp.

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Người Việt Nam, người nước ngoài có thẻ thường trú tại Việt Nam, có giấy phép lái xe quốc gia do Việt Nam cấp bằng vật liệu **PET**. còn giá trị sử dụng.

1.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

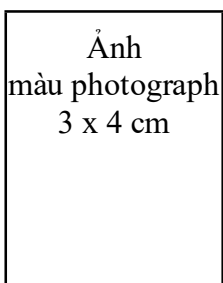
- Thông tư số 29/2015/TT-BGTVT ngày 06/7/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế;
- Thông tư số 01/2021/TT-BGTVT ngày 27/01/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 29/2015/TT-BGTVT ngày 06/7/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế và Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ;
- Thông tư số 05/2024/TT-BGTVT ngày 31/3/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến lĩnh vực vận tải đường bộ, dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ, phương tiện và người lái;
- Thông tư số 37/2023/TT-BTC ngày 07/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ được hoạt động trên các loại phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng;
- Thông tư số 63/2023/TT-BTC ngày 16/10/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của một số Thông tư quy định về phí, lệ phí của Bộ trưởng Bộ Tài chính nhằm khuyến khích sử dụng dịch vụ công trực tuyến.



MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP LÁI XE QUỐC TẾ
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independent - Freedom - Happiness

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP LÁI XE QUỐC TẾ
APPLICATION FORM FOR ISSUANCE OF INTERNATIONAL DRIVING PERMIT



Kính gửi (To):

Tôi là (Full name):

Ngày tháng năm sinh (date of birth)

Số hộ chiếu (Passport No.) cấp ngày (Issuing date): ngày (date):
 tháng (month)..... năm (year)..... nơi cấp (Place of issue):.....
 hoặc Số định danh cá nhân (personal identification No.):.....

Hiện có giấy phép lái xe cơ giới đường bộ số (Current driving licence No.):

Cơ quan cấp (Issuing Office):

Tại (Place of issue):

Cấp ngày (Issuing date): ngày (date): tháng (month)..... năm (year).....

Lý do xin cấp giấy phép lái xe (Reason of application for International driving permit:

.....

....., date..... month.....
 year.....

NGƯỜI LÀM ĐƠN (APPLICANT)

(Ký và ghi rõ họ tên)
 (Signature and Full name)

MẪU GIẤY PHÉP LÁI XE QUỐC TẾ DO VIỆT NAM CẤP

TRANG 1

(Mặt ngoài của trang bìa trước)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ QUỐC TẾ
INTERNATIONAL MOTOR TRAFFIC

GIẤY PHÉP LÁI XE QUỐC TẾ
INTERNATIONAL DRIVING PERMIT

Số:

No.

*Công ước về Giao thông đường bộ ngày 8 tháng 11 năm 1968**Convention on Road Traffic of 8 November 1968*

Có giá trị đến:

Valid until

Cơ quan cấp:.....

Issued by

Nơi cấp:.....Ngày:

At

Date

Số giấy phép lái xe quốc gia:

Number of domestic driving permit

(1)

(1) Chữ ký dấu của cơ quan cấp IDP.



TRANG 2

(Mặt trong của trang bìa trước)

Giấy phép này không có giá trị trong lãnh thổ của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

This permit is not valid for the territory of Socialist Republic of Viet Nam.

Có giá trị trong lãnh thổ của tất cả các bên tham gia với các điều kiện phù hợp với giấy phép lái xe quốc gia. Những hạng xe được phép lái là những hạng ghi tại cuối quyển này.

It is valid for the territories of all the other Contracting Parties on condition that it is presented with the corresponding domestic driving permit. The categories of vehicles for which the permit is valid are stated at the end of the booklet.

Giấy phép này sẽ không có hiệu lực tại lãnh thổ của bên tham gia khác khi người có tên trong đó đăng ký thường trú tại Quốc gia đó.

This permit shall cease to be valid in the territory of another Contracting Party if its holder establishes his normal residence there.

TRANG 3

Phân khai về người lái xe và phân hạng IDP in bằng tiếng Việt

PHÂN KHAI VỀ NGƯỜI LÁI XE

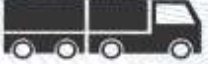
Họ và tên:

Tên khác:

Nơi sinh:

Ngày sinh:

Địa chỉ thường trú:

GIẤY PHÉP CÓ GIÁ TRỊ VỚI CÁC HẠNG XE VÀ CÁC CẤP HẠNG XE CÓ MÃ TƯƠNG ỨNG, CÓ GIÁ TRỊ TRÊN GIẤY PHÉP LÁI XE			
Mã hạng phương tiện/hình vẽ		Mã cấp phương tiện/hình vẽ	
A		A1	
B		B1	
C		C1	
D		D1	
BE			
CE		C1E	
DE		D1E	

NHỮNG ĐIỀU KIỆN HẠN CHẾ SỬ DỤNG

TRANG 5

Phân khai về người lái xe và phân hạng IDP in bằng tiếng Anh

PARTICULARS CONCERNING THE DRIVER

Family name:

Given name, other names:

Place of birth:

Date of birth:

Place of normal residence:

CATEGORIES AND SUBCATEGORIES OF VEHICLES, WITH THE CORRESPONDING CODES, FOR WHICH THE PERMIT IS VALID

Category code/Pictogram		Subcategory code/Pictogram	
A		A1	
B		B1	
C		C1	
D		D1	
BE			
CE		C1E	
DE		D1E	

RESTRICTIVE CONDITIONS OF USE

DRIVING PERMIT

TRANG 6

Phần khai về người lái xe và phân hạng IDP in bằng tiếng Nga

ЗАПИСИ, ОТНОСЯЩИЕСЯ К ВОДИТЕЛЮ

Фамилия:

Имя другие имена:

Место рождения:

Дата рождения:

Обычное местожительство:

КАТЕГОРИИ И ПОДКАТЕГОРИИ ТРАНСПОРТНЫХ СРЕДСТВ С УКАЗАНИЕМ СООТВЕТСТВУЮЩИХ КОДОВ, НА УПРАВЛЕНИЕ КОТОРЫМИ ВЫДАНО УДОСТОВЕРЕНИЕ			
Код категории/Пиктограмма		Код подкатегории/Пиктограмма	
A		A1	
B		B1	
C		C1	
D		D1	
BE			
CE		C1E	
DE		D1E	
УСЛОВИЯ, ОГРАНИЧИВАЮЩИЕ ИСПОЛЬЗОВАНИЕ			
INTERNATIONAL			

TRANG 7

Phần khai về người lái xe và phân hạng IDP in bằng tiếng Tây Ban Nha

INDICACIONES RELATIVAS AL CONDUCTOR

Apellidos:

Nombres:

Lugar de nacimiento:

Fecha de nacimiento:

Lugar de residencia normal:

CATEGORÍAS Y SUBCATEGORÍAS DE VEHÍCULOS, CON LOS CÓDIGOS CORRESPONDIENTES, PARA LAS CUALES ES VÁLIDO EL PERMISO

Código de la categoría/Pictograma	Código de la subcategoría/Pictograma
A 	A1 
B 	B1 
C 	C1 
D 	D1 
BE 	
CE 	C1E 
DE 	D1E 

CONDICIONES RESTRICTIVAS

INTERNATIONAL

TRANG 8

Phần khai về người lái xe và phân hạng IDP in bằng tiếng Pháp

INDICATIONS RELATIVES AU CONDUCTEUR

Nom:

Prénom(s) ou autre(s) nom(s):

Lieu de naissance:

Date de naissance:

Lieu de résidence normale:

CATÉGORIES ET SOUS-CATÉGORIES DE VÉHICULES, AVEC LES CODES CORRESPONDANTS, POUR LESQUELLES LE PERMIS EST VALABLE

Code de la catégorie/Pictogramme		Code de la sous-catégorie/Pictogramme	
A		A1	
B		B1	
C		C1	
D		D1	
BE			
CE		C1E	
DE		D1E	

RESTRICTIONS À L'UTILISATION

TRANG 9

Quy định hạng xe được điều khiển in bằng tiếng Pháp

INDICATIONS RELATIVES AU CONDUCTEUR

Nom:
 Prénom(s) ou autre(s) nom(s):
 Lieu de naissance:
 Date de naissance:
 Lieu de résidence normale:

CACHET	CACHET
A (1)	A1
B	B1
C	C1
D	D1
BE	
CE	C1E
DE	D1E

Photographie

2

Signature du titulaire..... (3)

EXCLUSIONS
 Le titulaire est privé du droit de conduire sur le territoire de
 À
 Le titulaire est privé du droit de conduire sur le territoire de
 À
 Jusqu'au.....
 Le
 Jusqu'au.....
 Le

(1) Vị trí đóng dấu hạng xe điều khiển được cấp.

(2) Vị trí đóng dấu giáp lai.

(3) Vị trí chữ ký của người được cấp IDP.

2. Cấp lại Giấy phép lái xe quốc tế

2.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Trường hợp Giấy phép lái xe quốc tế (IDP) bị mất hoặc hư hỏng, cá nhân nộp đơn đề nghị cấp IDP tại Cục Đường bộ Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải.

b) Giải quyết TTHC:

- Cá nhân khi nộp đơn trực tiếp tại Cục Đường bộ Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải, phải xuất trình bản chính giấy phép lái xe quốc gia do Việt Nam cấp, hộ chiếu, thẻ thường trú (đối với người nước ngoài) để thực hiện kiểm tra tính chính xác, hợp pháp của việc cấp IDP và phải hoàn thành nghĩa vụ nộp lệ phí khi được tiếp nhận hồ sơ theo quy định; khi nộp đơn qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến, cá nhân kê khai theo hướng dẫn và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, tính hợp pháp của nội dung đã kê khai, phải hoàn thành nghĩa vụ nộp lệ phí thông qua chức năng thanh toán lệ phí của hệ thống dịch vụ công trực tuyến và nộp phí sử dụng dịch vụ khác theo nhu cầu của cá nhân.

Trường hợp đơn đề nghị không đúng theo quy định, cơ quan tiếp nhận đơn có trách nhiệm thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến những nội dung cần bổ sung hoặc sửa đổi cho cá nhân trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận đơn;

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn đề nghị cấp IDP đúng theo quy định, Cục Đường bộ Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải thực hiện việc cấp IDP cho cá nhân; trường hợp không cấp IDP thì phải trả lời và nêu rõ lý do.

2.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp IDP theo mẫu quy định.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

2.4. Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn đề nghị cấp IDP đúng theo quy định.

2.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Cá nhân.

2.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Cục Đường bộ Việt Nam, Sở Giao thông vận tải;
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;



- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cục Đường bộ Việt Nam, Sở Giao thông vận tải;
- Cơ quan phối hợp: Không có.

2.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

- Giấy phép lái xe quốc tế.

2.8. Phí, lệ phí:

- Nộp trực tiếp: 135.000 đồng/lần.
- Nộp trực tuyến: 115.000 đồng/lần.

2.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép lái xe quốc tế;
- Giấy phép lái xe quốc tế do Việt Nam cấp.

2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Người Việt Nam, người nước ngoài có thẻ thường trú tại Việt Nam, có giấy phép lái xe quốc gia do Việt Nam cấp bằng vật liệu **PET**. còn giá trị sử dụng.

2.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

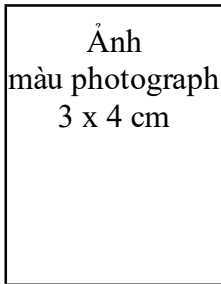
- Thông tư số 29/2015/TT-BGTVT ngày 06/7/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế;
- Thông tư số 01/2021/TT-BGTVT ngày 27/01/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 29/2015/TT-BGTVT ngày 06/7/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế và Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ;
- Thông tư số 05/2024/TT-BGTVT ngày 31/3/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến lĩnh vực vận tải đường bộ, dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ, phương tiện và người lái;
- Thông tư số 37/2023/TT-BTC ngày 07/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ được hoạt động trên các loại phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng;
- Thông tư số 63/2023/TT-BTC ngày 16/10/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của một số Thông tư quy định về phí, lệ phí của Bộ trưởng Bộ Tài chính nhằm khuyến khích sử dụng dịch vụ công trực tuyến.



MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP LÁI XE QUỐC TẾ
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independent - Freedom - Happiness

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP LÁI XE QUỐC TẾ
APPLICATION FORM FOR ISSUANCE OF INTERNATIONAL DRIVING PERMIT



Kính gửi (To):

Tôi là (Full name):

Ngày tháng năm sinh (date of birth)

Số hộ chiếu (Passport No.) cấp ngày (Issuing date): ngày (date):
 tháng (month)..... năm (year)..... nơi cấp (Place of issue):.....
 hoặc Số định danh cá nhân (personal identification No.):.....

Hiện có giấy phép lái xe cơ giới đường bộ số (Current driving licence No.):

Cơ quan cấp (Issuing Office):

Tại (Place of issue):

Cấp ngày (Issuing date): ngày (date): tháng (month)..... năm (year).....

Lý do xin cấp giấy phép lái xe (Reason of application for International driving permit:

.....

....., date..... month.....
 year.....

NGƯỜI LÀM ĐƠN (APPLICANT)

(Ký và ghi rõ họ tên)
 (Signature and Full name)

MẪU GIẤY PHÉP LÁI XE QUỐC TẾ DO VIỆT NAM CẤP

TRANG 1

(Mặt ngoài của trang bìa trước)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM****GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ QUỐC TẾ****INTERNATIONAL MOTOR TRAFFIC****GIẤY PHÉP LÁI XE QUỐC TẾ****INTERNATIONAL DRIVING PERMIT**

Số:

No.

*Công ước về Giao thông đường bộ ngày 8 tháng 11 năm 1968**Convention on Road Traffic of 8 November 1968*

Có giá trị đến:

Valid until

Cơ quan cấp:.....

Issued by

Nơi cấp:.....Ngày:

At

Date

Số giấy phép lái xe quốc gia:

Number of domestic driving permit

(1)

(1) Chữ ký dấu của cơ quan cấp IDP.

TRANG 2

(Mặt trong của trang bìa trước)

Giấy phép này không có giá trị trong lãnh thổ của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

This permit is not valid for the territory of Socialist Republic of Viet Nam.

Có giá trị trong lãnh thổ của tất cả các bên tham gia với các điều kiện phù hợp với giấy phép lái xe quốc gia. Những hạng xe được phép lái là những hạng ghi tại cuối quyển này.

It is valid for the territories of all the other Contracting Parties on condition that it is presented with the corresponding domestic driving permit. The categories of vehicles for which the permit is valid are stated at the end of the booklet.

Giấy phép này sẽ không có hiệu lực tại lãnh thổ của bên tham gia khác khi người có tên trong đó đăng ký thường trú tại Quốc gia đó.

This permit shall cease to be valid in the territory of another Contracting Party if its holder establishes his normal residence there.

TRANG 3

Phân khai về người lái xe và phân hạng IDP in bằng tiếng Việt

PHÂN KHAI VỀ NGƯỜI LÁI XE

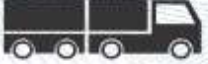
Họ và tên:

Tên khác:

Nơi sinh:

Ngày sinh:

Địa chỉ thường trú:

GIẤY PHÉP CÓ GIÁ TRỊ VỚI CÁC HẠNG XE VÀ CÁC CẤP HẠNG XE CÓ MÃ TƯƠNG ỨNG, CÓ GIÁ TRỊ TRÊN GIẤY PHÉP LÁI XE			
Mã hạng phương tiện/hình vẽ		Mã cấp phương tiện/hình vẽ	
A		A1	
B		B1	
C		C1	
D		D1	
BE			
CE		C1E	
DE		D1E	

NHỮNG ĐIỀU KIỆN HẠN CHẾ SỬ DỤNG

TRANG 5

Phân khai về người lái xe và phân hạng IDP in bằng tiếng Anh

PARTICULARS CONCERNING THE DRIVER

Family name:

Given name, other names:

Place of birth:

Date of birth:

Place of normal residence:

CATEGORIES AND SUBCATEGORIES OF VEHICLES, WITH THE CORRESPONDING CODES, FOR WHICH THE PERMIT IS VALID

Category code/Pictogram		Subcategory code/Pictogram	
A		A1	
B		B1	
C		C1	
D		D1	
BE			
CE		C1E	
DE		D1E	

RESTRICTIVE CONDITIONS OF USE

TRANG 6

Phần khai về người lái xe và phân hạng IDP in bằng tiếng Nga

ЗАПИСИ, ОТНОСЯЩИЕСЯ К ВОДИТЕЛЮ

Фамилия:

Имя другие имена:

Место рождения:

Дата рождения:

Обычное местожительство:

КАТЕГОРИИ И ПОДКАТЕГОРИИ ТРАНСПОРТНЫХ СРЕДСТВ С УКАЗАНИЕМ СООТВЕТСТВУЮЩИХ КОДОВ, НА УПРАВЛЕНИЕ КОТОРЫМИ ВЫДАНО УДОСТОВЕРЕНИЕ			
Код категории/Пиктограмма		Код подкатегории/Пиктограмма	
A		A1	
B		B1	
C		C1	
D		D1	
BE			
CE		C1E	
DE		D1E	
УСЛОВИЯ, ОГРАНИЧИВАЮЩИЕ ИСПОЛЬЗОВАНИЕ			
INTERNATIONAL			

TRANG 7

Phần khai về người lái xe và phân hạng IDP in bằng tiếng Tây Ban Nha

INDICACIONES RELATIVAS AL CONDUCTOR

Apellidos:

Nombres:

Lugar de nacimiento:

Fecha de nacimiento:

Lugar de residencia normal:

CATEGORÍAS Y SUBCATEGORÍAS DE VEHÍCULOS, CON LOS CÓDIGOS CORRESPONDIENTES, PARA LAS CUALES ES VÁLIDO EL PERMISO

Código de la categoría/Pictograma	Código de la subcategoría/Pictograma
A 	A1 
B 	B1 
C 	C1 
D 	D1 
BE 	
CE 	C1E 
DE 	D1E 

CONDICIONES RESTRICTIVAS

INTERNATIONAL

TRANG 8

Phần khai về người lái xe và phân hạng IDP in bằng tiếng Pháp

INDICATIONS RELATIVES AU CONDUCTEUR

Nom:

Prénom(s) ou autre(s) nom(s):

Lieu de naissance:

Date de naissance:

Lieu de résidence normale:

CATÉGORIES ET SOUS-CATÉGORIES DE VÉHICULES, AVEC LES CODES CORRESPONDANTS, POUR LESQUELLES LE PERMIS EST VALABLE

Code de la catégorie/Pictogramme		Code de la sous-catégorie/Pictogramme	
A		A1	
B		B1	
C		C1	
D		D1	
BE			
CE		C1E	
DE		D1E	

RESTRICTIONS À L'UTILISATION

TRANG 9

Quy định hạng xe được điều khiển in bằng tiếng Pháp

INDICATIONS RELATIVES AU CONDUCTEUR

Nom:
 Prénom(s) ou autre(s) nom(s):
 Lieu de naissance:
 Date de naissance:
 Lieu de résidence normale:

CACHET	CACHET
A (1)	A1
B	B1
C	C1
D	D1
BE	
CE	C1E
DE	D1E

Photographie

2

Signature du titulaire..... (3)

EXCLUSIONS
 Le titulaire est privé du droit de conduire sur le territoire de
 À
 Le titulaire est privé du droit de conduire sur le territoire de
 À
 Jusqu'au.....
 Le
 Jusqu'au.....
 Le

(1) Vị trí đóng dấu hạng xe điều khiển được cấp.

(2) Vị trí đóng dấu giáp lai.

(3) Vị trí chữ ký của người được cấp IDP.

3. Đổi, cấp lại Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng trường hợp Cơ sở đào tạo đã cấp Chứng chỉ không còn hoạt động

3.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Người có Chứng chỉ bị hỏng, bị mất nộp hồ sơ đến Sở Giao thông vận tải nơi quản lý cơ sở cấp Chứng chỉ.

b) Giải quyết TTHC:

- Sau 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Giám đốc Sở Giao thông vận tải đổi, cấp lại Chứng chỉ.

3.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp.

3.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị đổi, cấp lại Chứng chỉ theo mẫu quy định;
- 03 ảnh màu kích thước 2x3cm chụp không quá 06 tháng, kiểu Giấy chứng minh nhân dân.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

3.4. Thời hạn giải quyết: Sau 05 ngày làm việc, kể từ ngày đạt kết quả kiểm tra.

3.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Cá nhân.

3.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Sở Giao thông vận tải;
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải;
- Cơ quan phối hợp: Không có.

3.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

- Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng.

3.8. Phí, lệ phí:

- Theo quy định tại Thông tư liên tịch số 72/2011/TTLT-BTC-BGTVT ngày 27/5/2011 của Bộ Tài chính - Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính đào tạo lái xe cơ giới đường bộ.

3.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:

- Đơn đề nghị đổi, cấp lại Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ;



- Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ.

3.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

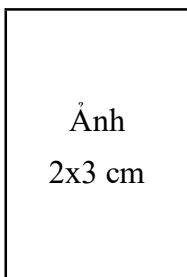
3.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Thông tư số 06/2011/TT-BGTVT ngày 07/3/2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ;

- Thông tư số 05/2024/TT-BGTVT ngày 31/3/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến lĩnh vực vận tải đường bộ, dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ, phương tiện và người lái;

- Thông tư liên tịch số 72/2011/TTLT-BTC-BGTVT ngày 27/5/2011 của Bộ Tài chính - Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính đào tạo lái xe cơ giới đường bộ.

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI, CẤP LẠI CHỨNG CHỈ BỒI DƯỠNG KIẾN THỨC
PHÁP LUẬT VỀ GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI, CẤP LẠI CHỨNG CHỈ
BỒI DƯỠNG KIẾN THỨC PHÁP LUẬT VỀ GIAO THÔNG
ĐƯỜNG BỘ**

Kính gửi:

Tôi là:.....

Ngày tháng năm sinh:

Số Căn cước công dân hoặc Số Chứng minh nhân dân:.....

hoặc Hộ chiếu số..... ngày cấp..... nơi cấp:

Hiện tôi đã có Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ do
..... cấp

Số Chứng chỉ: cấp ngày tháng năm

Lý do xin đổi, cấp lại:

Đề nghị đổi, cấp lại Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao
thông đường bộ để điều khiển xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ.

Nội dung khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

....., ngày tháng năm 20

NGƯỜI LÀM ĐƠN

(Ký, ghi rõ họ và tên)

MẪU CHỨNG CHỈ BỒI DƯỠNG KIẾN THỨC PHÁP LUẬT VỀ GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

**CHỨNG CHỈ BỒI DƯỠNG
KIẾN THỨC PHÁP LUẬT VỀ GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ**

Mặt trước:

BỘ GTVT	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc -----
XXXXXX/MT (1)	
CHỨNG CHỈ BỒI DƯỠNG KIẾN THỨC PHÁP LUẬT VỀ GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ	
Ảnh 2x3 cm	Họ và tên Ngày sinh Nơi cư trú
..., ngày ... tháng ... năm 20 ... THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ <i>(Ký tên, đóng dấu)</i>	
Không thời hạn	

Mặt sau:

NGƯỜI ĐIỀU CẦN CHÚ Ý
1. Phải xuất trình Chứng chỉ để kiểm tra khi người làm nhiệm vụ trật tự an toàn giao thông yêu cầu. 2. Nghiêm cấm hành vi tẩy xóa Chứng chỉ. 3. Trường hợp mất, hỏng phải làm thủ tục cấp đổi, cấp lại tại nơi cấp Chứng chỉ lần đầu hoặc Sở Giao thông vận tải.

1. Kích thước: Chiều dài: 86 mm; Chiều rộng: 54 mm.

2. Bảo mật chống làm giả:

- Loại giấy tốt, có hoa văn chống làm giả, nền màu vàng nhạt;
- Có viền đỏ xung quanh rộng 1mm và cách mép ngoài của giấy chứng nhận là 1 mm.

3. Cách ghi

3.1. Tại vị trí (1): Số cấp Chứng chỉ gồm 6 chữ số tự nhiên từ nhỏ đến lớn. Hai ký tự cuối MT là mã số cấp đăng ký quy định cho các tỉnh, thành phố tại Thông tư quy định về cấp, thu hồi đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có tham gia giao thông đường bộ.

3.2. In Chứng chỉ dùng phông chữ Vntime, màu của chữ và số là màu đen; họ và tên người được cấp Chứng chỉ phông chữ VntimeH màu đen.

3.3. Dấu đóng trên Chứng chỉ có hai dấu: dấu thu nhỏ loại dấu nổi đóng giáp lai với ảnh của người được cấp Chứng chỉ và dấu mực đỏ đóng vào vị trí người ký cấp Chứng chỉ.

4. Cấp mới Giấy phép lái xe

4.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Người học lái xe lần đầu, Người học lái xe nâng hạng, Người dân tộc thiểu số không biết đọc, viết tiếng Việt học lái xe mô tô hạng A1, hạng A4 lập hồ sơ, nộp tại Cơ sở đào tạo;
- Cơ sở đào tạo lái xe lập hồ sơ gửi đến Sở Giao thông vận tải.

b) Giải quyết TTHC:

- Người đạt kết quả kỳ sát hạch được cấp giấy phép lái xe đúng hạng đã trúng tuyển; đối với trường hợp nâng hạng phải xuất trình bản chính giấy phép lái xe khi đến nhận giấy phép lái xe;
- Căn cứ quyết định công nhận trúng tuyển kỳ sát hạch, Sở Giao thông vận tải cấp giấy phép lái xe cho người trúng tuyển. Ngày trúng tuyển ghi tại mặt sau giấy phép lái xe là ngày ký quyết định công nhận trúng tuyển kỳ sát hạch;
- Thời gian cấp giấy phép lái xe chậm nhất không quá 10 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kỳ sát hạch và trả giấy phép lái xe sau khi người đạt kết quả kỳ sát hạch đã hoàn thành nghĩa vụ nộp lệ phí cấp giấy phép lái xe.

4.2. Cách thức thực hiện:

- Người học lái xe: Nộp trực tiếp;
- Cơ sở đào tạo nộp bằng một trong các hình thức: trực tiếp, bưu chính, văn bản điện tử đồng thời truyền dữ liệu qua hệ thống thông tin giấy phép lái xe.

4.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

** Đối với người dự sát hạch lái xe lần đầu*

- Hồ sơ do người học lái xe nộp:
 - + Đơn đề nghị học, sát hạch để cấp giấy phép lái xe theo mẫu quy định;
 - + Bản sao thẻ tạm trú hoặc thẻ thường trú hoặc chứng minh thư ngoại giao hoặc chứng minh thư công vụ đối với người nước ngoài;
 - + Giấy khám sức khỏe của người lái xe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp theo quy định.
- Hồ sơ do Cơ sở đào tạo lái xe nộp:
 - + Hồ sơ của người học lái xe;
 - + Chứng chỉ sơ cấp hoặc chứng chỉ đào tạo đối với người dự sát hạch lái xe hạng A4, B1, B2 và C;
 - + Danh sách đề nghị sát hạch của cơ sở đào tạo lái xe có tên của người dự sát hạch.

** Đối với người dự sát hạch nâng hạng giấy phép lái xe lên hạng B1, B2, C, D, E và các hạng F*



- Hồ sơ do người học lái xe nộp:

- + Đơn đề nghị học, sát hạch để cấp giấy phép lái xe theo mẫu quy định;
- + Bản sao thẻ tạm trú hoặc thẻ thường trú hoặc chứng minh thư ngoại giao hoặc chứng minh thư công vụ đối với người nước ngoài;
- + Giấy khám sức khỏe của người lái xe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp theo quy định;
- + Bản sao bằng tốt nghiệp trung học cơ sở hoặc bằng cấp tương đương trở lên đối với trường hợp nâng hạng giấy phép lái xe lên các hạng D, E (xuất trình bản chính khi kiểm tra hồ sơ dự sát hạch);
- + Bản khai thời gian hành nghề và số km lái xe an toàn theo mẫu quy định.

- Hồ sơ do Cơ sở đào tạo lái xe nộp:

- + Hồ sơ của người học lái xe;
- + Chứng chỉ đào tạo nâng hạng;
- + Danh sách đề nghị sát hạch của cơ sở đào tạo lái xe có tên của người dự sát hạch nâng hạng.

** Người dân tộc thiểu số không biết đọc, viết tiếng Việt học lái xe mô tô hạng A1, hạng A4*

- Hồ sơ của người học lái xe: Giấy khám sức khỏe của người lái xe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp theo quy định.

- Hồ sơ do Cơ sở đào tạo lái xe nộp:

- + Hồ sơ của người học lái xe;
- + Chứng chỉ sơ cấp hoặc chứng chỉ đào tạo đối với người dự sát hạch lái xe hạng A4;
- + Danh sách đề nghị sát hạch của cơ sở đào tạo lái xe có tên của người dự sát hạch.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4.4. Thời hạn giải quyết:

- 10 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kỳ sát hạch và trả giấy phép lái xe sau khi người đạt kết quả kỳ sát hạch đã hoàn thành nghĩa vụ nộp lệ phí cấp giấy phép lái xe.

4.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

4.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Sở Giao thông vận tải;
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải;
- Cơ quan phối hợp: Không có.



4.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

- Giấy phép lái xe cơ giới đường bộ.

4.8. Phí, lệ phí:

- Phí sát hạch lái xe:

+ Đối với thi sát hạch lái xe các hạng xe A1, A2, A3, A4: Sát hạch lý thuyết: 60.000 đồng/lần, Sát hạch thực hành: 60.000 đồng/lần;

+ Đối với thi sát hạch lái xe ô tô (hạng xe B1, B2, C, D, E, F): Sát hạch lý thuyết: 100.000 đồng/lần, Sát hạch thực hành trong hình: 350.000 đồng/lần, Sát hạch thực hành trên đường giao thông: 80.000 đồng/lần, Sát hạch lái xe ô tô bằng phần mềm mô phỏng các tình huống giao thông: 100.000 đồng/lần.

- Lệ phí cấp giấy phép lái xe: 135.000 đồng/lần.

4.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:

- Đơn đề nghị học, sát hạch để cấp Giấy phép lái xe;
- Bản khai thời gian hành nghề và số km lái xe an toàn;
- Giấy phép lái xe cơ giới đường bộ.

4.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Là công dân Việt Nam, người nước ngoài được phép cư trú hoặc đang làm việc, học tập tại Việt Nam.

4.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ;
- Thông tư số 38/2019/TT-BGTVT ngày 08/10/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ;
- Thông tư số 05/2024/TT-BGTVT ngày 31/3/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến lĩnh vực vận tải đường bộ, dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ, phương tiện và người lái;
- Thông tư số 37/2023/TT-BTC ngày 07/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ được hoạt động trên các loại phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng.



MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỌC, SÁT HẠCH ĐỂ CẤP GIẤY PHÉP LÁI XE
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ảnh màu 3
cm x 4 cm
chụp không
quá 06 tháng

ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỌC, SÁT HẠCH ĐỂ CẤP GIẤY PHÉP LÁI XE

Kính gửi:.....

Tôi là:.....

Ngày tháng năm sinh:

Số Căn cước công dân hoặc Số Chứng minh nhân dân:

hoặc Hộ chiếu số..... ngày cấp..... nơi cấp:

Đã có giấy phép lái xe số:.....hạng.....

do:..... cấp ngày: /..... /

Đề nghị cho tôi được học, dự sát hạch để cấp giấy phép lái xe hạng:

Đăng ký tích hợp giấy phép lái xe ☐

Vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ với hình thức tước quyền sử dụng giấy phép lái xe: có ☐ không ☐

Tôi xin cam đoan những điều ghi trên là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm.

....., ngày tháng năm 20

.....
NGƯỜI LÀM ĐƠN
(Ký và ghi rõ họ, tên)

MẪU BẢN KHAI THỜI GIAN HÀNH NGHỀ VÀ SỐ KM LÁI XE AN TOÀN
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI
THỜI GIAN HÀNH NGHỀ VÀ SỐ KM LÁI XE AN TOÀN

Tôi là:.....

Ngày tháng năm sinh:

Số Căn cước công dân hoặc Số Chứng minh nhân dân:

hoặc Hộ chiếu số..... ngày cấp..... nơi cấp:

Hiện tại tôi có giấy phép lái xe số:, hạng

do: cấp ngày: /....
 /

Từ ngày được cấp giấy phép lái xe đến nay, tôi đã có năm lái xe và có
km lái xe an toàn.

Đề nghị cho tôi được dự sát hạch nâng
 hạng lấy giấy phép lái xe hạng

Tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung khai trên.

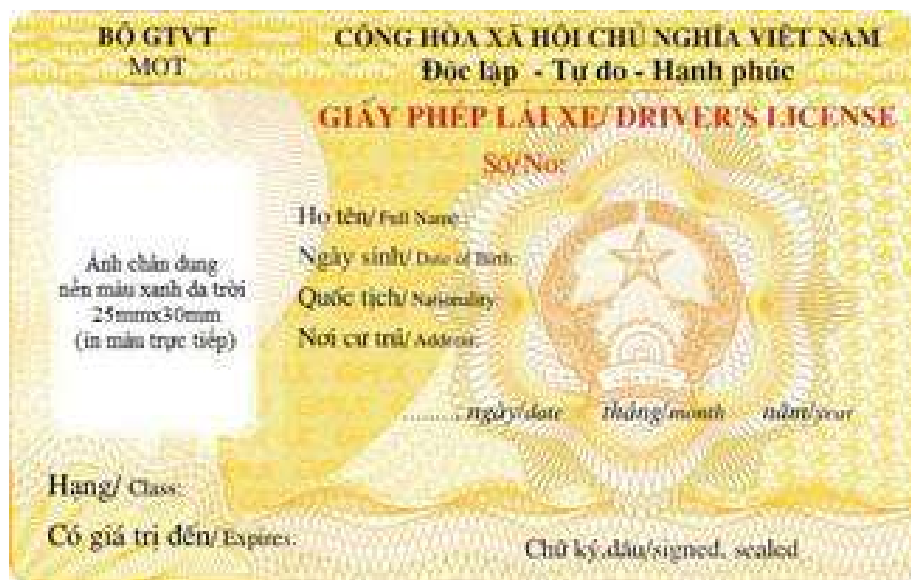
....., ngày tháng năm 20

NGƯỜI KHAI

(Ký và ghi rõ họ, tên)

MẪU GIẤY PHÉP LÁI XE CƠ GIỚI ĐƯỜNG BỘ

1. Mặt trước:



2. Mặt sau:



- In từng hạng giấy phép lái xe cơ giới đường bộ mà người lái xe được phép điều khiển (hiển thị bằng tiếng Việt và tiếng Anh).
- Đối với hạng giấy phép lái xe số tự động, ghi là: Xe ô tô hạng B1 số tự động.
- Đối với giấy phép lái xe hạng A1 cấp cho người khuyết tật điều khiển xe mô tô ba bánh dùng cho người khuyết tật, ghi là: Xe mô tô ba bánh dùng cho người khuyết tật.
- Đối với giấy phép lái xe hạng B1 số tự động cấp cho người khuyết tật tay trái, ghi là: “Ô tô tự động chở người đến 9 chỗ ngồi, ô tô tải chuyên dùng số tự động, có trọng tải thiết kế dưới 3500kg có cơ cấu điều khiển đèn pha, đèn xi nhan phù hợp với người khuyết tật tay trái, không chuyên nghiệp.

Điều kiện hạn chế: Cấp cho người khuyết tật tay trái.”

đ) Đối với giấy phép lái xe hạng B1 số tự động cấp cho người khuyết tật tay phải, ghi là:

“Ô tô tự động chở người đến 9 chỗ ngồi, ô tô tải chuyên dùng số tự động, có trọng tải thiết kế dưới 3500kg có cơ cấu điều khiển đèn pha, đèn xi nhan phù hợp với người khuyết tật tay phải, không chuyên nghiệp.

Điều kiện hạn chế: Cấp cho người khuyết tật tay phải.”.

e) Đối với giấy phép lái xe hạng B1 số tự động cấp cho người khuyết tật chân phải, ghi là:

“Ô tô tự động chở người đến 9 chỗ ngồi, ô tô tải chuyên dùng số tự động, có trọng tải thiết kế dưới 3500kg có cơ cấu điều khiển ga động cơ, phanh chân phù hợp với người khuyết tật chân phải, không chuyên nghiệp.

Điều kiện hạn chế: Cấp cho người khuyết tật chân phải.”.

g) Đối với giấy phép lái xe hạng B1 số tự động cấp cho người khuyết tật nói chung (trừ khuyết tật tay trái, tay phải, chân phải), ghi là:

“Ô tô tự động chở người đến 9 chỗ ngồi, ô tô tải chuyên dùng số tự động, có trọng tải thiết kế dưới 3500kg, không chuyên nghiệp.

Điều kiện hạn chế: Cấp cho người khuyết tật nói chung (trừ khuyết tật tay trái, tay phải, chân phải).”.

h) Đối với một số trường hợp đặc thù được ghi rõ điều kiện hạn chế tại mặt sau của giấy phép lái xe.

3. Quy cách:

a) Kích thước: 85,6 x 53,98 x 0,76 mm (theo Tiêu chuẩn ICAO loại ID-1).

b) Tiêu đề "GIẤY PHÉP LÁI XE/ DRIVER'S LICENSE", "CÁC LOẠI XE CƠ GIỚI ĐƯỜNG BỘ ĐƯỢC ĐIỀU KHIỂN", chữ "Số/No." và " Ngày trúng tuyển" có màu đỏ, các chữ khác in màu đen.

c) Ảnh của người lái xe chụp trên nền màu xanh da trời được in trực tiếp trên giấy phép lái xe.

d) Có lớp màng phủ bảo an trên hai mặt của giấy phép lái xe.

đ) Phôi được làm bằng vật liệu PET hoặc vật liệu có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương, có hoa văn màu vàng rơm và các ký hiệu bảo mật.

e) Có mã hai chiều (QR) để đọc, giải mã nhanh thông tin trên Giấy phép lái xe và liên kết với hệ thống thông tin quản lý giấy phép lái xe.

5. Cấp lại Giấy phép lái xe

5.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Người có giấy phép lái xe bị mất; quá thời hạn sử dụng nộp hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép lái xe đến Sở Giao thông vận tải.

b) Giải quyết TTHC:

** Trường hợp giấy phép lái xe quá thời hạn sử dụng*

- Người có giấy phép lái xe quá hạn sử dụng từ 03 tháng đến dưới 01 năm, phải dự sát hạch lại lý thuyết; quá hạn sử dụng từ 01 năm trở lên, phải sát hạch lại lý thuyết, thực hành lái xe trong hình và trên đường.

- Thời gian cấp lại giấy phép lái xe chậm nhất không quá 10 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kỳ sát hạch và trả giấy phép lái xe sau khi người đạt kết quả kỳ sát hạch đã hoàn thành nghĩa vụ nộp lệ phí cấp giấy phép lái xe.

** Trường hợp giấy phép lái xe bị mất, còn thời hạn sử dụng hoặc quá thời hạn sử dụng dưới 03 tháng*

- Khi đến thực hiện thủ tục cấp lại giấy phép lái xe tại nơi tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải, người lái xe chụp ảnh trực tiếp và xuất trình bản chính các hồ sơ đề đổi chiếu (trừ các bản chính đã gửi). Sau thời gian 02 tháng kể từ ngày nộp đủ hồ sơ, chụp ảnh và nộp lệ phí theo quy định, nếu không phát hiện giấy phép lái xe đang bị các cơ quan có thẩm quyền thu giữ, xử lý; có tên trong hồ sơ của cơ quan quản lý sát hạch, thì được cấp lại giấy phép lái xe.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày được xét cấp lại giấy phép lái xe, Sở Giao thông vận tải thực hiện cấp lại giấy phép lái xe và trả giấy phép lái xe khi người lái xe đã hoàn thành nghĩa vụ nộp lệ phí cấp giấy phép lái xe; trường hợp không cấp lại giấy phép lái xe thì phải trả lời và nêu rõ lý do.

** Trường hợp giấy phép lái xe bị mất, quá thời hạn sử dụng từ 03 tháng trở lên, có tên trong hồ sơ của cơ quan quản lý sát hạch, không thuộc trường hợp đang bị các cơ quan có thẩm quyền thu giữ, xử lý:*

- Sau 02 tháng kể từ ngày nộp đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, phải dự sát hạch lại:

+ Quá hạn sử dụng từ 03 tháng đến dưới 01 năm, phải dự sát hạch lại lý thuyết;

+ Quá hạn sử dụng từ 01 năm trở lên, phải sát hạch lại lý thuyết, thực hành lái xe trong hình và trên đường.

- Thời gian cấp lại giấy phép lái xe chậm nhất không quá 10 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kỳ sát hạch và trả giấy phép lái xe sau khi người đạt kết quả kỳ sát hạch đã hoàn thành nghĩa vụ nộp lệ phí cấp giấy phép lái xe.

5.2. Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp.

5.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

** Trường hợp giấy phép lái xe quá thời hạn sử dụng*

- Đơn đề nghị đổi (cấp lại) giấy phép lái xe theo mẫu quy định;
- Bản sao thẻ tạm trú hoặc thẻ thường trú hoặc chứng minh thư ngoại giao hoặc chứng minh thư công vụ đối với người nước ngoài;
- Giấy khám sức khỏe của người lái xe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp theo quy định.

** Trường hợp giấy phép lái xe bị mất, còn thời hạn sử dụng hoặc quá thời hạn sử dụng dưới 03 tháng*

- Đơn đề nghị đổi (cấp lại) giấy phép lái xe theo mẫu quy định;
- Hồ sơ gốc phù hợp với giấy phép lái xe (nếu có);
- Giấy khám sức khỏe của người lái xe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp theo quy định, trừ trường hợp cấp lại giấy phép lái xe không thời hạn các hạng A1, A2, A3.

** Trường hợp giấy phép lái xe bị mất, quá thời hạn sử dụng từ 03 tháng trở lên, có tên trong hồ sơ của cơ quan quản lý sát hạch, không thuộc trường hợp đang bị các cơ quan có thẩm quyền thu giữ, xử lý:*

- Đơn đề nghị đổi (cấp lại) giấy phép lái xe theo mẫu quy định;
- Bản chính hồ sơ gốc của giấy phép lái xe bị mất (nếu có);
- Bản sao thẻ tạm trú hoặc thẻ thường trú hoặc chứng minh thư ngoại giao hoặc chứng minh thư công vụ đối với người nước ngoài;
- Giấy khám sức khỏe của người lái xe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp theo quy định.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

5.4. Thời hạn giải quyết:

- Trường hợp cấp lại Giấy phép lái xe bị mất, còn thời hạn sử dụng hoặc quá thời hạn sử dụng dưới 03 tháng:

+ Sau thời gian 02 tháng kể từ ngày nộp đủ hồ sơ, chụp ảnh và nộp lệ phí theo quy định, nếu không phát hiện giấy phép lái xe đang bị các cơ quan có thẩm quyền thu giữ, xử lý; có tên trong hồ sơ của cơ quan quản lý sát hạch, thì được cấp lại giấy phép lái xe;

+ Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày được xét cấp lại giấy phép lái xe, Sở Giao thông vận tải thực hiện cấp lại giấy phép lái xe và trả giấy phép lái xe khi người lái xe đã hoàn thành nghĩa vụ nộp lệ phí cấp giấy phép lái xe; trường hợp không cấp lại giấy phép lái xe thì phải trả lời và nêu rõ lý do.

- Trường hợp cấp lại Giấy phép lái xe quá thời hạn sử dụng; Giấy phép lái xe bị mất, quá thời hạn sử dụng từ 3 tháng trở lên: 10 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kỳ sát hạch và trả giấy phép lái xe sau khi người đạt kết quả kỳ sát hạch đã hoàn thành nghĩa vụ nộp lệ phí cấp giấy phép lái xe.

5.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Cá nhân.

5.6. Cơ quan thực hiện TTHC:



- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Sở Giao thông vận tải;
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải;
- Cơ quan phối hợp: Không có.

5.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

- Giấy phép lái xe cơ giới đường bộ.

5.8. Phí, lệ phí:

- Phí sát hạch lái xe:
 - + Đối với thi sát hạch lái xe các hạng xe A1, A2, A3, A4: Sát hạch lý thuyết: 60.000 đồng/lần, Sát hạch thực hành: 60.000 đồng/lần;
 - + Đối với thi sát hạch lái xe ô tô (hạng xe B1, B2, C, D, E, F): Sát hạch lý thuyết: 100.000 đồng/lần, Sát hạch thực hành trong hình: 350.000 đồng/lần, Sát hạch thực hành trên đường giao thông: 80.000 đồng/lần, Sát hạch lái xe ô tô bằng phần mềm mô phỏng các tình huống giao thông: 100.000 đồng/lần.
- Lệ phí cấp giấy phép lái xe: 135.000 đồng/lần.

5.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:

- Đơn đề nghị đổi (cấp lại) giấy phép lái xe;
- Giấy phép lái xe cơ giới đường bộ.

5.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

5.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ;
- Thông tư số 38/2019/TT-BGTVT ngày 08/10/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ;
- Thông tư số 05/2024/TT-BGTVT ngày 31/3/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến lĩnh vực vận tải đường bộ, dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ, phương tiện và người lái;
- Thông tư số 37/2023/TT-BTC ngày 07/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ được hoạt động trên các loại phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng.



MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI, CẤP LẠI GIẤY PHÉP LÁI XE (1)
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI (CẤP LẠI) GIẤY PHÉP LÁI XE (1)

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải.....

Tôi là:.....

Ngày tháng năm sinh:

Số Căn cước công dân hoặc Số Chứng minh nhân dân:

hoặc Hộ chiếu số..... ngày cấp..... nơi cấp:

Đã học lái xe tại:.....năm.....

Hiện đã có giấy phép lái xe hạng:.....số:.....

do:..... cấp ngày...../...../.....

Đề nghị cho tôi được đổi, cấp lại giấy phép lái xe cơ giới đường bộ hạng:.....

Lý do:.....

Vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ với hình thức tước quyền sử dụng giấy phép lái xe: có ☐ không ☐

Tôi xin cam đoan những điều ghi trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm.

....., ngày tháng năm 20

NGƯỜI LÀM ĐƠN

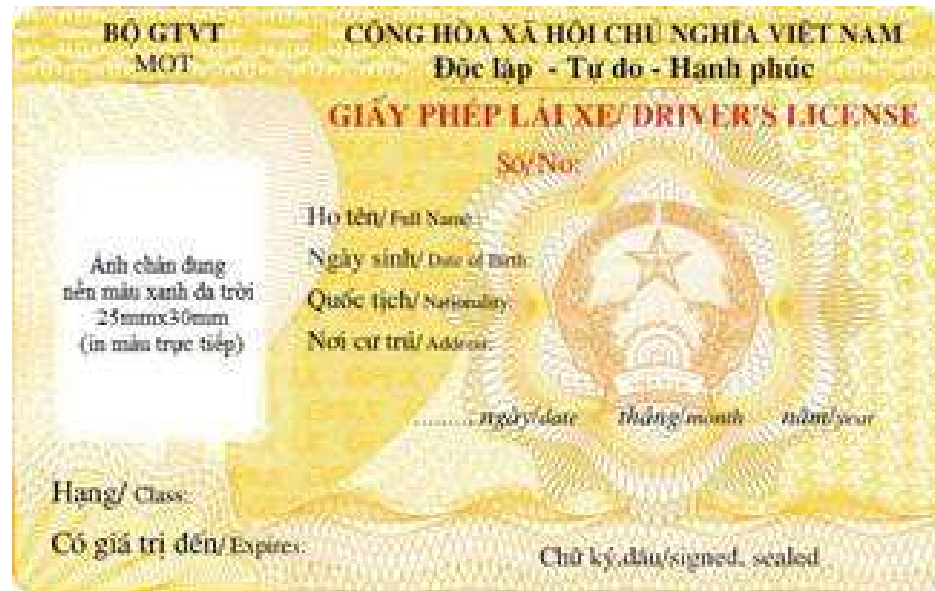
(Ký và ghi rõ họ, tên)

Ghi chú:

(1): Mẫu này dùng chung cho trường hợp lập lại hồ sơ mới.

MẪU GIẤY PHÉP LÁI XE CƠ GIỚI ĐƯỜNG BỘ

1. Mặt trước:



2. Mặt sau:



- In từng hạng giấy phép lái xe cơ giới đường bộ mà người lái xe được phép điều khiển (hiển thị bằng tiếng Việt và tiếng Anh).
- Đối với hạng giấy phép lái xe số tự động, ghi là: Xe ô tô hạng B1 số tự động.
- Đối với giấy phép lái xe hạng A1 cấp cho người khuyết tật điều khiển xe mô tô ba bánh dùng cho người khuyết tật, ghi là: Xe mô tô ba bánh dùng cho người khuyết tật.
- Đối với giấy phép lái xe hạng B1 số tự động cấp cho người khuyết tật tay trái, ghi là: “Ô tô tự động chở người đến 9 chỗ ngồi, ô tô tải chuyên dùng số tự động, có trọng tải thiết kế dưới 3500kg có cơ cấu điều khiển đèn pha, đèn xi nhan phù hợp với người khuyết tật tay trái, không chuyên nghiệp.

Điều kiện hạn chế: Cấp cho người khuyết tật tay trái.”

đ) Đối với giấy phép lái xe hạng B1 số tự động cấp cho người khuyết tật tay phải, ghi là:

“Ô tô tự động chở người đến 9 chỗ ngồi, ô tô tải chuyên dùng số tự động, có trọng tải thiết kế dưới 3500kg có cơ cấu điều khiển đèn pha, đèn xi nhan phù hợp với người khuyết tật tay phải, không chuyên nghiệp.

Điều kiện hạn chế: Cấp cho người khuyết tật tay phải.”.

e) Đối với giấy phép lái xe hạng B1 số tự động cấp cho người khuyết tật chân phải, ghi là:

“Ô tô tự động chở người đến 9 chỗ ngồi, ô tô tải chuyên dùng số tự động, có trọng tải thiết kế dưới 3500kg có cơ cấu điều khiển ga động cơ, phanh chân phù hợp với người khuyết tật chân phải, không chuyên nghiệp.

Điều kiện hạn chế: Cấp cho người khuyết tật chân phải.”.

g) Đối với giấy phép lái xe hạng B1 số tự động cấp cho người khuyết tật nói chung (trừ khuyết tật tay trái, tay phải, chân phải), ghi là:

“Ô tô tự động chở người đến 9 chỗ ngồi, ô tô tải chuyên dùng số tự động, có trọng tải thiết kế dưới 3500kg, không chuyên nghiệp.

Điều kiện hạn chế: Cấp cho người khuyết tật nói chung (trừ khuyết tật tay trái, tay phải, chân phải).”.

h) Đối với một số trường hợp đặc thù được ghi rõ điều kiện hạn chế tại mặt sau của giấy phép lái xe.

3. Quy cách:

a) Kích thước: 85,6 x 53,98 x 0,76 mm (theo Tiêu chuẩn ICAO loại ID-1).

b) Tiêu đề "GIẤY PHÉP LÁI XE/ DRIVER'S LICENSE", "CÁC LOẠI XE CƠ GIỚI ĐƯỜNG BỘ ĐƯỢC ĐIỀU KHIỂN", chữ "Số/No." và " Ngày trúng tuyển" có màu đỏ, các chữ khác in màu đen.

c) Ảnh của người lái xe chụp trên nền màu xanh da trời được in trực tiếp trên giấy phép lái xe.

d) Có lớp màng phủ bảo an trên hai mặt của giấy phép lái xe.

đ) Phôi được làm bằng vật liệu PET hoặc vật liệu có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương, có hoa văn màu vàng rơm và các ký hiệu bảo mật.

e) Có mã hai chiều (QR) để đọc, giải mã nhanh thông tin trên Giấy phép lái xe và liên kết với hệ thống thông tin quản lý giấy phép lái xe.

6. Đổi Giấy phép lái xe do ngành Giao thông vận tải cấp

6.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Cá nhân lập hồ sơ gửi đến Sở Giao thông vận tải.

b) Giải quyết TTHC:

- Sở Giao thông vận tải kiểm tra hồ sơ khi tiếp nhận; trường hợp hồ sơ không đúng theo quy định, phải thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến những nội dung cần bổ sung hoặc sửa đổi cho cá nhân trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ;

- Cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp có trách nhiệm hoàn thành nghĩa vụ nộp lệ phí cấp giấy phép lái xe khi được tiếp nhận hồ sơ theo quy định; khi nộp hồ sơ qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến phải hoàn thành nghĩa vụ nộp lệ phí cấp giấy phép lái xe thông qua chức năng thanh toán của hệ thống dịch vụ công trực tuyến theo quy định và nộp phí sử dụng dịch vụ khác theo nhu cầu của cá nhân;

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định (bao gồm xác thực tài khoản định danh điện tử qua hệ thống định danh và xác thực điện tử), Sở Giao thông vận tải thực hiện việc đổi giấy phép lái xe; trường hợp không đổi giấy phép lái xe thì phải trả lời và nêu rõ lý do;

- Sở Giao thông vận tải lưu trữ bản chính hồ sơ đổi giấy phép lái xe của ngành Giao thông vận tải cấp (trừ trường hợp đổi giấy phép lái xe qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến). Cắt góc giấy phép lái xe cũ (trừ giấy phép lái xe do nước ngoài cấp), giao cho người lái xe bảo quản (trường hợp đổi giấy phép lái xe trực tuyến toàn trình, người lái xe chịu trách nhiệm gửi giấy phép lái xe cũ đến cơ quan cấp giấy phép lái xe để hủy theo quy định);

- Trường hợp người lái xe có nhu cầu đổi giấy phép lái xe xuống hạng thấp hơn, phải khai rõ tại Đơn đề nghị đổi (cấp lại) giấy phép lái xe và chịu trách nhiệm về nội dung kê khai.

6.2. Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

6.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị đổi giấy phép lái xe theo mẫu quy định;

- Giấy khám sức khỏe của người lái xe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp theo quy định, trừ trường hợp đổi giấy phép lái xe hạng A1, A2, A3;

- Bản sao giấy phép lái xe và hộ chiếu còn thời hạn sử dụng (đối với người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

6.4. Thời hạn giải quyết:



- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định (bao gồm xác thực tài khoản định danh điện tử qua hệ thống định danh và xác thực điện tử).

6.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Cá nhân.

6.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Sở Giao thông vận tải;
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải;
- Cơ quan phối hợp: Không có.

6.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

- Giấy phép lái xe cơ giới đường bộ.

6.8. Phí, lệ phí:

- Lệ phí cấp giấy phép lái xe đối với nộp trực tiếp: 135.000 đồng/lần, nộp trực tuyến: 115.000 đồng/lần.

6.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:

- Đơn đề nghị đổi (cấp lại) giấy phép lái xe;
- Giấy phép lái xe cơ giới đường bộ.

6.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Người có giấy phép lái xe có thời hạn thực hiện việc đổi giấy phép lái xe trước khi hết thời hạn sử dụng; người có giấy phép lái xe bị hỏng còn thời hạn sử dụng được đổi giấy phép lái xe.
- Người có giấy phép lái xe hạng E đủ 55 tuổi đối với nam và 50 tuổi đối với nữ, có nhu cầu tiếp tục lái xe, nếu đủ sức khỏe theo quy định, được xét đổi giấy phép lái xe từ hạng D trở xuống.

6.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ;
- Thông tư số 01/2021/TT-BGTVT ngày 27/01/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 29/2015/TT-BGTVT ngày 06/7/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế và Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ;
- Thông tư số 05/2024/TT-BGTVT ngày 31/3/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến lĩnh vực vận tải đường bộ, dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ, phương tiện và người lái;



- Thông tư số 37/2023/TT-BTC ngày 07/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ được hoạt động trên các loại phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng;
- Thông tư số 63/2023/TT-BTC ngày 16/10/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của một số Thông tư quy định về phí, lệ phí của Bộ trưởng Bộ Tài chính nhằm khuyến khích sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI, CẤP LẠI GIẤY PHÉP LÁI XE (1)
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI (CẤP LẠI) GIẤY PHÉP LÁI XE (1)

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải.....

Tôi là:.....

Ngày tháng năm sinh:

Số Căn cước công dân hoặc Số Chứng minh nhân dân:

hoặc Hộ chiếu số..... ngày cấp..... nơi cấp:

Đã học lái xe tại:.....năm.....

Hiện đã có giấy phép lái xe hạng:.....số:.....

do:..... cấp ngày...../...../.....

Đề nghị cho tôi được đổi, cấp lại giấy phép lái xe cơ giới đường bộ hạng:.....

Lý do:.....

Vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ với hình thức tước quyền sử dụng giấy phép lái xe: có ☐ không ☐

Tôi xin cam đoan những điều ghi trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm.

....., ngày tháng năm 20

NGƯỜI LÀM ĐƠN

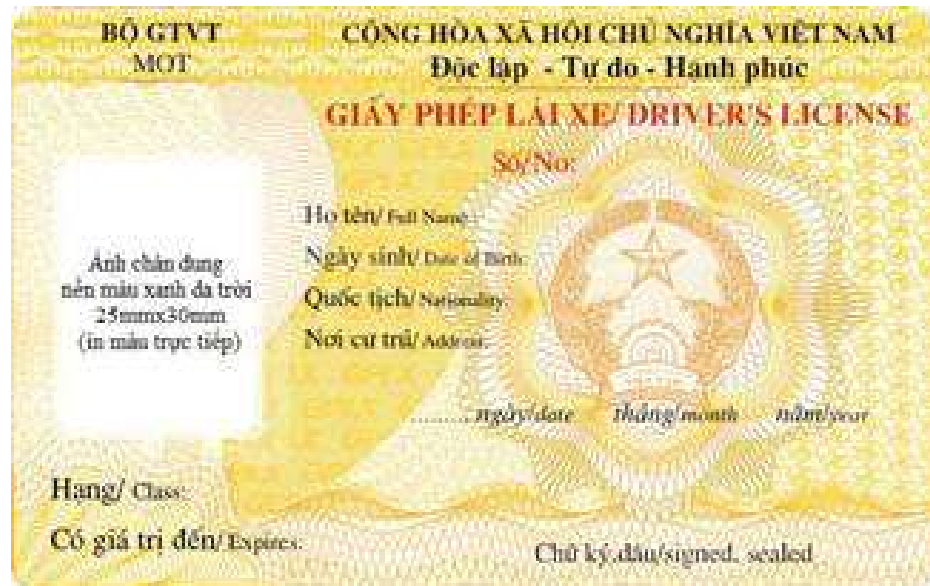
(Ký và ghi rõ họ, tên)

Ghi chú:

(1): Mẫu này dùng chung cho trường hợp lập lại hồ sơ mới.

MẪU GIẤY PHÉP LÁI XE CƠ GIỚI ĐƯỜNG BỘ

1. Mặt trước:



2. Mặt sau:



- In từng hạng giấy phép lái xe cơ giới đường bộ mà người lái xe được phép điều khiển (hiển thị bằng tiếng Việt và tiếng Anh).
- Đối với hạng giấy phép lái xe số tự động, ghi là: Xe ô tô hạng B1 số tự động.
- Đối với giấy phép lái xe hạng A1 cấp cho người khuyết tật điều khiển xe mô tô ba bánh dùng cho người khuyết tật, ghi là: Xe mô tô ba bánh dùng cho người khuyết tật.
- Đối với giấy phép lái xe hạng B1 số tự động cấp cho người khuyết tật tay trái, ghi là: “Ô tô tự động chở người đến 9 chỗ ngồi, ô tô tải chuyên dùng số tự động, có trọng tải thiết kế dưới 3500kg có cơ cấu điều khiển đèn pha, đèn xi nhan phù hợp với người khuyết tật tay trái, không chuyên nghiệp.

Điều kiện hạn chế: Cấp cho người khuyết tật tay trái.”

đ) Đối với giấy phép lái xe hạng B1 số tự động cấp cho người khuyết tật tay phải, ghi là:

“Ô tô tự động chở người đến 9 chỗ ngồi, ô tô tải chuyên dùng số tự động, có trọng tải thiết kế dưới 3500kg có cơ cấu điều khiển đèn pha, đèn xi nhan phù hợp với người khuyết tật tay phải, không chuyên nghiệp.

Điều kiện hạn chế: Cấp cho người khuyết tật tay phải.”.

e) Đối với giấy phép lái xe hạng B1 số tự động cấp cho người khuyết tật chân phải, ghi là:

“Ô tô tự động chở người đến 9 chỗ ngồi, ô tô tải chuyên dùng số tự động, có trọng tải thiết kế dưới 3500kg có cơ cấu điều khiển ga động cơ, phanh chân phù hợp với người khuyết tật chân phải, không chuyên nghiệp.

Điều kiện hạn chế: Cấp cho người khuyết tật chân phải.”.

g) Đối với giấy phép lái xe hạng B1 số tự động cấp cho người khuyết tật nói chung (trừ khuyết tật tay trái, tay phải, chân phải), ghi là:

“Ô tô tự động chở người đến 9 chỗ ngồi, ô tô tải chuyên dùng số tự động, có trọng tải thiết kế dưới 3500kg, không chuyên nghiệp.

Điều kiện hạn chế: Cấp cho người khuyết tật nói chung (trừ khuyết tật tay trái, tay phải, chân phải).”.

h) Đối với một số trường hợp đặc thù được ghi rõ điều kiện hạn chế tại mặt sau của giấy phép lái xe.

3. Quy cách:

a) Kích thước: 85,6 x 53,98 x 0,76 mm (theo Tiêu chuẩn ICAO loại ID-1).

b) Tiêu đề "GIẤY PHÉP LÁI XE/ DRIVER'S LICENSE", "CÁC LOẠI XE CƠ GIỚI ĐƯỜNG BỘ ĐƯỢC ĐIỀU KHIỂN", chữ "Số/No." và " Ngày trúng tuyển" có màu đỏ, các chữ khác in màu đen.

c) Ảnh của người lái xe chụp trên nền màu xanh da trời được in trực tiếp trên giấy phép lái xe.

d) Có lớp màng phủ bảo an trên hai mặt của giấy phép lái xe.

đ) Phôi được làm bằng vật liệu PET hoặc vật liệu có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương, có hoa văn màu vàng rơm và các ký hiệu bảo mật.

e) Có mã hai chiều (QR) để đọc, giải mã nhanh thông tin trên Giấy phép lái xe và liên kết với hệ thống thông tin quản lý giấy phép lái xe.

7. Đổi Giấy phép lái xe do ngành Công an cấp

7.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Người lái xe lập hồ sơ gửi đến Sở Giao thông vận tải.

b) Giải quyết TTHC:

- Sở Giao thông vận tải kiểm tra hồ sơ khi tiếp nhận; trường hợp hồ sơ không đúng theo quy định, phải thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản những nội dung cần bổ sung hoặc sửa đổi cho cá nhân trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ;

- Trường hợp phát hiện có nghi vấn, Sở Giao thông vận tải có văn bản đề nghị Cục Cảnh sát giao thông thuộc Bộ Công an hoặc Sở Giao thông vận tải quản lý giấy phép lái xe xác minh;

- Cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp có trách nhiệm hoàn thành nghĩa vụ nộp lệ phí cấp giấy phép lái xe khi được tiếp nhận hồ sơ theo quy định;

- Khi đến thực hiện thủ tục đổi giấy phép lái xe, người lái xe phải chụp ảnh trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải và phải xuất trình bản chính các hồ sơ để đối chiếu (trừ các bản chính đã gửi);

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định, Sở Giao thông vận tải thực hiện việc đổi giấy phép lái xe; trường hợp không đổi giấy phép lái xe thì phải trả lời và nêu rõ lý do;

- Sở Giao thông vận tải lưu trữ bản sao hồ sơ đổi giấy phép lái xe hoặc giấy phép lái xe do ngành Công an cấp trong thời hạn 02 năm kể từ ngày cấp giấy phép lái xe. Cắt góc giấy phép lái xe cũ, giao cho người lái xe bảo quản;

7.2. Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp.

7.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

** Hồ sơ đổi giấy phép lái xe mô tô do ngành Công an cấp trước ngày 01 tháng 8 năm 1995:*

- Đơn đề nghị đổi giấy phép lái xe theo mẫu quy định;

- Hồ sơ gốc (nếu có);

** Hồ sơ đổi giấy phép lái xe do ngành Công an cấp từ ngày 01 tháng 8 năm 1995:*

- Đơn đề nghị đổi giấy phép lái xe theo mẫu quy định;

- Bản sao giấy phép lái xe; Bản sao Quyết định ra khỏi ngành hoặc nghỉ hưu của cấp có thẩm quyền hoặc bản sao Quyết định của cấp có thẩm quyền về việc thôi không tiếp tục phục vụ trong lực lượng Công an xã hoặc bản sao Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động và quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng lao động từ 12 tháng trở lên của các đơn vị trong Công an nhân dân;



- Giấy khám sức khỏe của người lái xe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp theo quy định, trừ trường hợp đổi giấy phép lái xe hạng A1, A2, A3.

** Hồ sơ đổi giấy phép lái xe do ngành Công an cấp cho học viên hệ dân sự các trường Công an nhân dân trước ngày 31 tháng 7 năm 2020:*

- Đơn đề nghị đổi giấy phép lái xe theo mẫu quy định;
- Giấy khám sức khỏe của người lái xe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp theo quy định, trừ trường hợp đổi giấy phép lái xe hạng A1, A2, A3;
- Bản sao Quyết định công nhận tốt nghiệp của các Trường, Học viện trong Công an nhân dân;
- Hồ sơ gốc do ngành Công an cấp, gồm: Đơn đề nghị sát hạch, cấp, đổi giấy phép lái xe có xác nhận của thủ trưởng đơn vị nơi công tác; Giấy Chứng nhận sức khỏe của người lái xe; Chứng chỉ tốt nghiệp chương trình đào tạo lái xe; Biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe;

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

7.4. Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định.

7.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Cá nhân.

7.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Sở Giao thông vận tải;
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải;
- Cơ quan phối hợp: Không có.

7.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

- Giấy phép lái xe cơ giới đường bộ.

7.8. Phí, lệ phí:

- Lệ phí cấp giấy phép lái xe: 135.000 đồng/lần.

7.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:

- Đơn đề nghị đổi (cấp lại) giấy phép lái xe;
- Giấy phép lái xe cơ giới đường bộ.

7.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Người có giấy phép lái xe do ngành Công an cấp sau ngày 31 tháng 7 năm 1995, còn thời hạn sử dụng, khi thôi không tiếp tục phục vụ trong ngành Công an (xuất ngũ, chuyển ngành, nghỉ hưu, chấm dứt hợp đồng lao động trong Công an nhân dân), nếu có nhu cầu được đổi giấy phép lái xe;



- Người có giấy phép lái xe mô tô của ngành Công an cấp trước ngày 01 tháng 8 năm 1995 bị hỏng có nhu cầu đổi, có tên trong sổ lưu được xét đổi giấy phép lái xe mới.

7.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ;
- Thông tư số 01/2021/TT-BGTVT ngày 27/01/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 29/2015/TT-BGTVT ngày 06/7/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế và Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ;
- Thông tư số 05/2024/TT-BGTVT ngày 31/3/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến lĩnh vực vận tải đường bộ, dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ, phương tiện và người lái;
- Thông tư số 37/2023/TT-BTC ngày 07/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ được hoạt động trên các loại phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng.

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI, CẤP LẠI GIẤY PHÉP LÁI XE (1)
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI (CẤP LẠI) GIẤY PHÉP LÁI XE (1)

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải.....

Tôi là:.....

Ngày tháng năm sinh:

Số Căn cước công dân hoặc Số Chứng minh nhân dân:

hoặc Hộ chiếu số..... ngày cấp..... nơi cấp:

Đã học lái xe tại:.....năm.....

Hiện đã có giấy phép lái xe hạng:.....số:.....

do:..... cấp ngày...../...../.....

Đề nghị cho tôi được đổi, cấp lại giấy phép lái xe cơ giới đường bộ hạng:.....

Lý do:.....

Vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ với hình thức tước quyền sử dụng giấy phép lái xe: có ☐ không ☐

Tôi xin cam đoan những điều ghi trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm.

....., ngày tháng năm 20

NGƯỜI LÀM ĐƠN

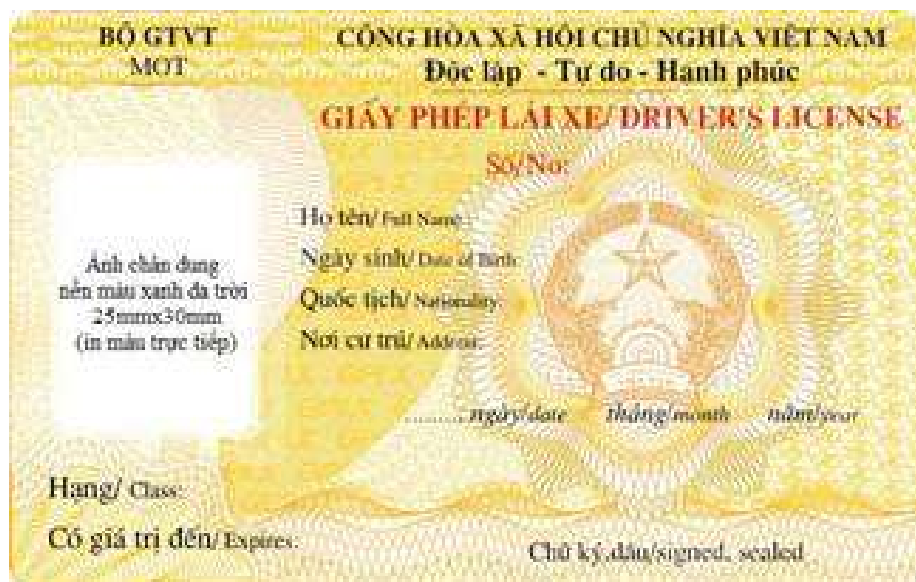
(Ký và ghi rõ họ, tên)

Ghi chú:

(1): Mẫu này dùng chung cho trường hợp lập lại hồ sơ mới.

MẪU GIẤY PHÉP LÁI XE CƠ GIỚI ĐƯỜNG BỘ

1. Mặt trước:



2. Mặt sau:



- In từng hạng giấy phép lái xe cơ giới đường bộ mà người lái xe được phép điều khiển (hiển thị bằng tiếng Việt và tiếng Anh).
- Đối với hạng giấy phép lái xe số tự động, ghi là: Xe ô tô hạng B1 số tự động.
- Đối với giấy phép lái xe hạng A1 cấp cho người khuyết tật điều khiển xe mô tô ba bánh dùng cho người khuyết tật, ghi là: Xe mô tô ba bánh dùng cho người khuyết tật.
- Đối với giấy phép lái xe hạng B1 số tự động cấp cho người khuyết tật tay trái, ghi là: “Ô tô tự động chở người đến 9 chỗ ngồi, ô tô tải chuyên dùng số tự động, có trọng tải thiết kế dưới 3500kg có cơ cấu điều khiển đèn pha, đèn xi nhan phù hợp với người khuyết tật tay trái, không chuyên nghiệp.

Điều kiện hạn chế: Cấp cho người khuyết tật tay trái.”

đ) Đối với giấy phép lái xe hạng B1 số tự động cấp cho người khuyết tật tay phải, ghi là:

“Ô tô tự động chở người đến 9 chỗ ngồi, ô tô tải chuyên dùng số tự động, có trọng tải thiết kế dưới 3500kg có cơ cấu điều khiển đèn pha, đèn xi nhan phù hợp với người khuyết tật tay phải, không chuyên nghiệp.

Điều kiện hạn chế: Cấp cho người khuyết tật tay phải.”.

e) Đối với giấy phép lái xe hạng B1 số tự động cấp cho người khuyết tật chân phải, ghi là:

“Ô tô tự động chở người đến 9 chỗ ngồi, ô tô tải chuyên dùng số tự động, có trọng tải thiết kế dưới 3500kg có cơ cấu điều khiển ga động cơ, phanh chân phù hợp với người khuyết tật chân phải, không chuyên nghiệp.

Điều kiện hạn chế: Cấp cho người khuyết tật chân phải.”.

g) Đối với giấy phép lái xe hạng B1 số tự động cấp cho người khuyết tật nói chung (trừ khuyết tật tay trái, tay phải, chân phải), ghi là:

“Ô tô tự động chở người đến 9 chỗ ngồi, ô tô tải chuyên dùng số tự động, có trọng tải thiết kế dưới 3500kg, không chuyên nghiệp.

Điều kiện hạn chế: Cấp cho người khuyết tật nói chung (trừ khuyết tật tay trái, tay phải, chân phải).”.

h) Đối với một số trường hợp đặc thù được ghi rõ điều kiện hạn chế tại mặt sau của giấy phép lái xe.

3. Quy cách:

a) Kích thước: 85,6 x 53,98 x 0,76 mm (theo Tiêu chuẩn ICAO loại ID-1).

b) Tiêu đề "GIẤY PHÉP LÁI XE/ DRIVER'S LICENSE", "CÁC LOẠI XE CƠ GIỚI ĐƯỜNG BỘ ĐƯỢC ĐIỀU KHIỂN", chữ "Số/No." và " Ngày trúng tuyển" có màu đỏ, các chữ khác in màu đen.

c) Ảnh của người lái xe chụp trên nền màu xanh da trời được in trực tiếp trên giấy phép lái xe.

d) Có lớp màng phủ bảo an trên hai mặt của giấy phép lái xe.

đ) Phôi được làm bằng vật liệu PET hoặc vật liệu có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương, có hoa văn màu vàng rơm và các ký hiệu bảo mật.

e) Có mã hai chiều (QR) để đọc, giải mã nhanh thông tin trên Giấy phép lái xe và liên kết với hệ thống thông tin quản lý giấy phép lái xe.

8. Đổi Giấy phép lái xe quân sự do Bộ Quốc phòng cấp

8.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Người lái xe lập hồ sơ gửi đến Sở Giao thông vận tải.

b) Giải quyết TTHC:

- Sở Giao thông vận tải kiểm tra hồ sơ khi tiếp nhận; trường hợp hồ sơ không đúng theo quy định, phải thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản những nội dung cần bổ sung hoặc sửa đổi cho cá nhân trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ;

- Trường hợp phát hiện có nghi vấn, Sở Giao thông vận tải có văn bản đề nghị Cục Xe - Máy thuộc Bộ Quốc phòng xác minh;

- Cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp có trách nhiệm hoàn thành nghĩa vụ nộp lệ phí cấp giấy phép lái xe khi được tiếp nhận hồ sơ theo quy định;

- Khi đến thực hiện thủ tục đổi giấy phép lái xe, người lái xe phải chụp ảnh trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải và phải xuất trình bản chính các hồ sơ để đối chiếu (trừ các bản chính đã gửi);

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định, Sở Giao thông vận tải thực hiện việc đổi giấy phép lái xe; trường hợp không đổi giấy phép lái xe thì phải trả lời và nêu rõ lý do;

- Sở Giao thông vận tải lưu trữ bản sao hồ sơ đổi giấy phép lái xe hoặc giấy phép lái xe quân sự do Bộ Quốc phòng cấp trong thời hạn 02 năm kể từ ngày cấp giấy phép lái xe. Cắt góc giấy phép lái xe cũ, giao cho người lái xe bảo quản.

8.2. Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp.

8.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị đổi giấy phép lái xe theo mẫu quy định.

- Bản sao Quyết định thôi phục vụ trong Quân đội do Thủ trưởng cấp Trung đoàn trở lên ký. Đối với lao động hợp đồng trong các doanh nghiệp quốc phòng: Bản sao quyết định chấm dứt hợp đồng lao động, thời hạn không quá 06 tháng tính từ ngày cấp có thẩm quyền của doanh nghiệp quốc phòng ký.

- Giấy khám sức khỏe của người lái xe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp theo quy định, trừ trường hợp đổi giấy phép lái xe hạng A1, A2, A3.

- Bản sao giấy phép lái xe quân sự còn thời hạn sử dụng.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

8.4. Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định.

8.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Cá nhân.

8.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Sở Giao thông vận tải;
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải;
- Cơ quan phối hợp: Không có.

8.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

- Giấy phép lái xe cơ giới đường bộ.

8.8. Phí, lệ phí:

- Lệ phí cấp giấy phép lái xe: 135.000 đồng/lần.

8.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:

- Đơn đề nghị đổi (cấp lại) giấy phép lái xe;
- Giấy phép lái xe cơ giới đường bộ.

8.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Người có giấy phép lái xe quân sự còn thời hạn sử dụng khi thôi phục vụ trong quân đội (phục viên, xuất ngũ, chuyển ngành, nghỉ hưu, chấm dứt hợp đồng lao động trong các doanh nghiệp quốc phòng...), nếu có nhu cầu được đổi giấy phép lái xe.

8.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ;
- Thông tư số 05/2024/TT-BGTVT ngày 31/3/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến lĩnh vực vận tải đường bộ, dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ, phương tiện và người lái;
- Thông tư số 37/2023/TT-BTC ngày 07/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ được hoạt động trên các loại phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng.

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI, CẤP LẠI GIẤY PHÉP LÁI XE (1)
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI (CẤP LẠI) GIẤY PHÉP LÁI XE (1)

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải.....

Tôi là:.....

Ngày tháng năm sinh:

Số Căn cước công dân hoặc Số Chứng minh nhân dân:

hoặc Hộ chiếu số..... ngày cấp..... nơi cấp:

Đã học lái xe tại:.....năm.....

Hiện đã có giấy phép lái xe hạng:.....số:.....

do:..... cấp ngày...../...../.....

Đề nghị cho tôi được đổi, cấp lại giấy phép lái xe cơ giới đường bộ hạng:.....

Lý do:.....

Vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ với hình thức tước quyền sử dụng giấy phép lái xe: có ☐ không ☐

Tôi xin cam đoan những điều ghi trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm.

....., ngày tháng năm 20

NGƯỜI LÀM ĐƠN

(Ký và ghi rõ họ, tên)

Ghi chú:

(1): Mẫu này dùng chung cho trường hợp lập lại hồ sơ mới.

MẪU GIẤY PHÉP LÁI XE CƠ GIỚI ĐƯỜNG BỘ

1. Mặt trước:



2. Mặt sau:



- In từng hạng giấy phép lái xe cơ giới đường bộ mà người lái xe được phép điều khiển (hiển thị bằng tiếng Việt và tiếng Anh).
- Đối với hạng giấy phép lái xe số tự động, ghi là: Xe ô tô hạng B1 số tự động.
- Đối với giấy phép lái xe hạng A1 cấp cho người khuyết tật điều khiển xe mô tô ba bánh dùng cho người khuyết tật, ghi là: Xe mô tô ba bánh dùng cho người khuyết tật.
- Đối với giấy phép lái xe hạng B1 số tự động cấp cho người khuyết tật tay trái, ghi là: “Ô tô tự động chở người đến 9 chỗ ngồi, ô tô tải chuyên dùng số tự động, có trọng tải thiết kế dưới 3500kg có cơ cấu điều khiển đèn pha, đèn xi nhan phù hợp với người khuyết tật tay trái, không chuyên nghiệp.

Điều kiện hạn chế: Cấp cho người khuyết tật tay trái.”

đ) Đối với giấy phép lái xe hạng B1 số tự động cấp cho người khuyết tật tay phải, ghi là:

“Ô tô tự động chở người đến 9 chỗ ngồi, ô tô tải chuyên dùng số tự động, có trọng tải thiết kế dưới 3500kg có cơ cấu điều khiển đèn pha, đèn xi nhan phù hợp với người khuyết tật tay phải, không chuyên nghiệp.

Điều kiện hạn chế: Cấp cho người khuyết tật tay phải.”.

e) Đối với giấy phép lái xe hạng B1 số tự động cấp cho người khuyết tật chân phải, ghi là:

“Ô tô tự động chở người đến 9 chỗ ngồi, ô tô tải chuyên dùng số tự động, có trọng tải thiết kế dưới 3500kg có cơ cấu điều khiển ga động cơ, phanh chân phù hợp với người khuyết tật chân phải, không chuyên nghiệp.

Điều kiện hạn chế: Cấp cho người khuyết tật chân phải.”.

g) Đối với giấy phép lái xe hạng B1 số tự động cấp cho người khuyết tật nói chung (trừ khuyết tật tay trái, tay phải, chân phải), ghi là:

“Ô tô tự động chở người đến 9 chỗ ngồi, ô tô tải chuyên dùng số tự động, có trọng tải thiết kế dưới 3500kg, không chuyên nghiệp.

Điều kiện hạn chế: Cấp cho người khuyết tật nói chung (trừ khuyết tật tay trái, tay phải, chân phải).”.

h) Đối với một số trường hợp đặc thù được ghi rõ điều kiện hạn chế tại mặt sau của giấy phép lái xe.

3. Quy cách:

a) Kích thước: 85,6 x 53,98 x 0,76 mm (theo Tiêu chuẩn ICAO loại ID-1).

b) Tiêu đề "GIẤY PHÉP LÁI XE/ DRIVER'S LICENSE", "CÁC LOẠI XE CƠ GIỚI ĐƯỜNG BỘ ĐƯỢC ĐIỀU KHIỂN", chữ "Số/No." và " Ngày trúng tuyển" có màu đỏ, các chữ khác in màu đen.

c) Ảnh của người lái xe chụp trên nền màu xanh da trời được in trực tiếp trên giấy phép lái xe.

d) Có lớp màng phủ bảo an trên hai mặt của giấy phép lái xe.

đ) Phôi được làm bằng vật liệu PET hoặc vật liệu có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương, có hoa văn màu vàng rơm và các ký hiệu bảo mật.

e) Có mã hai chiều (QR) để đọc, giải mã nhanh thông tin trên Giấy phép lái xe và liên kết với hệ thống thông tin quản lý giấy phép lái xe.

9. Đổi Giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài cấp

9.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Người lái xe lập hồ sơ gửi đến Sở Giao thông vận tải.

b) Giải quyết TTHC:

- Sở Giao thông vận tải kiểm tra hồ sơ khi tiếp nhận; trường hợp hồ sơ không đúng theo quy định, phải thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản những nội dung cần bổ sung hoặc sửa đổi cho cá nhân trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ;

- Trường hợp phát hiện có nghi vấn về việc nhập cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam, Sở Giao thông vận tải có văn bản đề nghị Bộ Ngoại giao, Cục Quản lý Xuất nhập cảnh thuộc Bộ Công an, Phòng Quản lý xuất nhập Cảnh thuộc Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xác minh;

- Cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp có trách nhiệm hoàn thành nghĩa vụ nộp lệ phí cấp giấy phép lái xe khi được tiếp nhận hồ sơ theo quy định;

- Khi đến thực hiện thủ tục đổi giấy phép lái xe, người lái xe phải chụp ảnh trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải và phải xuất trình bản chính các hồ sơ để đối chiếu (trừ các bản chính đã gửi);

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định, Sở Giao thông vận tải thực hiện việc đổi giấy phép lái xe; trường hợp không đổi giấy phép lái xe thì phải trả lời và nêu rõ lý do;

- Sở Giao thông vận tải cấp giấy phép lái xe lưu trữ bản sao hồ sơ đổi giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài trong thời hạn 02 năm kể từ ngày cấp giấy phép lái xe.

9.2. Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp.

9.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị đổi giấy phép lái xe;

- Bản dịch giấy phép lái xe nước ngoài ra tiếng Việt được bảo chứng chất lượng dịch thuật của cơ quan Công chứng hoặc Đại sứ quán, Lãnh sự quán tại Việt Nam mà người dịch làm việc, đóng dấu giáp lai với bản sao giấy phép lái xe; đối với người Việt Nam xuất trình hợp pháp hóa lãnh sự giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài theo quy định của pháp luật về chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hóa lãnh sự, trừ các trường hợp được miễn trừ theo quy định của pháp luật;

- Giấy khám sức khỏe của người lái xe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp theo quy định; trừ trường hợp đổi giấy phép lái xe hạng A1, A2, A3;



- Bản sao thẻ tạm trú hoặc thẻ thường trú hoặc chứng minh thư ngoại giao hoặc chứng minh thư công vụ; bản sao giấy tờ xác minh định cư lâu dài tại Việt Nam đối với người nước ngoài.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

9.4. Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định.

9.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Cá nhân.

9.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Sở Giao thông vận tải;
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải;
- Cơ quan phối hợp: Không có.

9.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

- Giấy phép lái xe cơ giới đường bộ.

9.8. Phí, lệ phí:

- Lệ phí cấp giấy phép lái xe: 135.000 đồng/lần.

9.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:

- Đơn đề nghị đổi (cấp lại) giấy phép lái xe;
- Đơn đề nghị đổi giấy phép lái xe cơ giới đường bộ;
- Giấy phép lái xe cơ giới đường bộ.

9.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Người nước ngoài cư trú, làm việc, học tập tại Việt Nam, có giấy chứng minh thư ngoại giao, giấy chứng minh thư công vụ, thẻ tạm trú, thẻ cư trú, thẻ lưu trú, thẻ thường trú với thời gian từ 03 tháng trở lên, có giấy phép lái xe quốc gia còn thời hạn sử dụng, nếu có nhu cầu lái xe ở Việt Nam được xét đổi sang giấy phép lái xe tương ứng của Việt Nam;
- Người Việt Nam (mang quốc tịch Việt Nam) trong thời gian cư trú, học tập, làm việc ở nước ngoài được nước ngoài cấp giấy phép lái xe quốc gia, còn thời hạn sử dụng, nếu có nhu cầu lái xe ở Việt Nam được xét đổi sang giấy phép lái xe tương ứng của Việt Nam.

9.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ;



- Thông tư số 05/2024/TT-BGTVT ngày 31/3/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến lĩnh vực vận tải đường bộ, dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ, phương tiện và người lái;
- Thông tư số 37/2023/TT-BTC ngày 07/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ được hoạt động trên các loại phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng.

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI, CẤP LẠI GIẤY PHÉP LÁI XE (1)
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI (CẤP LẠI) GIẤY PHÉP LÁI XE (1)

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải.....

Tôi là:.....

Ngày tháng năm sinh:

Số Căn cước công dân hoặc Số Chứng minh nhân dân:

hoặc Hộ chiếu số..... ngày cấp..... nơi cấp:

Đã học lái xe tại:.....năm.....

Hiện đã có giấy phép lái xe hạng:.....số:.....

do:..... cấp ngày...../...../.....

Đề nghị cho tôi được đổi, cấp lại giấy phép lái xe cơ giới đường bộ hạng:.....

Lý do:.....

Vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ với hình thức tước quyền sử dụng giấy phép lái xe: có ☐ không ☐

Tôi xin cam đoan những điều ghi trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm.

....., ngày tháng năm 20

NGƯỜI LÀM ĐƠN

(Ký và ghi rõ họ, tên)

Ghi chú:

(1): Mẫu này dùng chung cho trường hợp lập lại hồ sơ mới.

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI GIẤY PHÉP LÁI XE CƠ GIỚI ĐƯỜNG BỘ
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence- Freedom - Happiness

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI GIẤY PHÉP LÁI XE CƠ GIỚI ĐƯỜNG BỘ
APPLICATION FORM FOR EXCHANGE OF DRIVER'S LICENCE
 (Dùng cho người nước ngoài) - (For Foreigner only)

Kính gửi (To): Sở Giao thông vận tải...
 (Transport Department...)

Tôi là (Full name):.....
 Ngày tháng năm sinh (date of birth)
 Số hộ chiếu (Passport No.) cấp ngày (Issuing date): ngày (date):
 tháng (month)..... năm (year)..... nơi cấp (Place of issue):.....
 Hiện có giấy phép lái xe cơ giới đường bộ số (Current Driver,s Licence No.):.....
 Cơ quan cấp (Issuing Office):.....
 Tại (Place of issue):.....
 Cấp ngày (Issuing date): ngày (date):..... tháng (month).....năm (year).....
 Lý do xin đổi giấy phép lái xe (Reason of application for new driving licence):.....

Định cư lâu dài tại Việt Nam/không định cư lâu dài tại Việt Nam (Long time of staying in Viet Nam/Short time of staying in Viet Nam).

Ghi chú (note): Gửi kèm theo đơn (Documents enclosed as follows)

- Bản sao hộ chiếu (phần họ tên và ảnh; trang thị thực nhập cảnh) [Copy of passport (included pages: full name, photograph, valid visa)] (Đối với trường hợp chưa có số định danh cá nhân (In case there is no personal identification No.).

Tôi xin đảm bảo lời khai trên đây là đúng sự thật.

I certify that all the information included in this application and attached documents is correct and true.

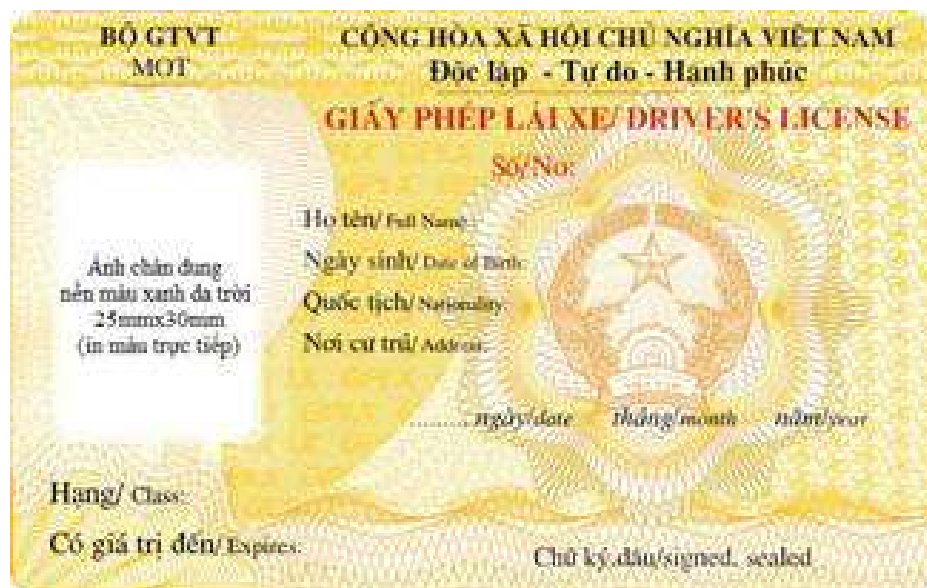
....., ngày (date) tháng (month) năm
 (year).....

NGƯỜI LÀM ĐƠN (APPLICANT)

(Ký và ghi rõ họ, tên)
 (Signature and Full name)

MẪU GIẤY PHÉP LÁI XE CƠ GIỚI ĐƯỜNG BỘ

1. Mặt trước:



2. Mặt sau:



- a) In từng hạng giấy phép lái xe cơ giới đường bộ mà người lái xe được phép điều khiển (hiển thị bằng tiếng Việt và tiếng Anh).
- b) Đối với hạng giấy phép lái xe số tự động, ghi là: Xe ô tô hạng B1 số tự động.
- c) Đối với giấy phép lái xe hạng A1 cấp cho người khuyết tật điều khiển xe mô tô ba bánh dùng cho người khuyết tật, ghi là: Xe mô tô ba bánh dùng cho người khuyết tật.
- d) Đối với giấy phép lái xe hạng B1 số tự động cấp cho người khuyết tật tay trái, ghi là: “Ô tô tự động chở người đến 9 chỗ ngồi, ô tô tải chuyên dùng số tự động, có trọng tải thiết kế dưới 3500kg có cơ cấu điều khiển đèn pha, đèn xi nhan phù hợp với người khuyết tật tay trái, không chuyên nghiệp.

Điều kiện hạn chế: Cấp cho người khuyết tật tay trái.”

đ) Đối với giấy phép lái xe hạng B1 số tự động cấp cho người khuyết tật tay phải, ghi là:

“Ô tô tự động chở người đến 9 chỗ ngồi, ô tô tải chuyên dùng số tự động, có trọng tải thiết kế dưới 3500kg có cơ cấu điều khiển đèn pha, đèn xi nhan phù hợp với người khuyết tật tay phải, không chuyên nghiệp.

Điều kiện hạn chế: Cấp cho người khuyết tật tay phải.”.

e) Đối với giấy phép lái xe hạng B1 số tự động cấp cho người khuyết tật chân phải, ghi là:

“Ô tô tự động chở người đến 9 chỗ ngồi, ô tô tải chuyên dùng số tự động, có trọng tải thiết kế dưới 3500kg có cơ cấu điều khiển ga động cơ, phanh chân phù hợp với người khuyết tật chân phải, không chuyên nghiệp.

Điều kiện hạn chế: Cấp cho người khuyết tật chân phải.”.

g) Đối với giấy phép lái xe hạng B1 số tự động cấp cho người khuyết tật nói chung (trừ khuyết tật tay trái, tay phải, chân phải), ghi là:

“Ô tô tự động chở người đến 9 chỗ ngồi, ô tô tải chuyên dùng số tự động, có trọng tải thiết kế dưới 3500kg, không chuyên nghiệp.

Điều kiện hạn chế: Cấp cho người khuyết tật nói chung (trừ khuyết tật tay trái, tay phải, chân phải).”.

h) Đối với một số trường hợp đặc thù được ghi rõ điều kiện hạn chế tại mặt sau của giấy phép lái xe.

3. Quy cách:

a) Kích thước: 85,6 x 53,98 x 0,76 mm (theo Tiêu chuẩn ICAO loại ID-1).

b) Tiêu đề "GIẤY PHÉP LÁI XE/ DRIVER'S LICENSE", "CÁC LOẠI XE CƠ GIỚI ĐƯỜNG BỘ ĐƯỢC ĐIỀU KHIỂN", chữ "Số/No." và " Ngày trúng tuyển" có màu đỏ, các chữ khác in màu đen.

c) Ảnh của người lái xe chụp trên nền màu xanh da trời được in trực tiếp trên giấy phép lái xe.

d) Có lớp màng phủ bảo an trên hai mặt của giấy phép lái xe.

đ) Phôi được làm bằng vật liệu PET hoặc vật liệu có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương, có hoa văn màu vàng rơm và các ký hiệu bảo mật.

e) Có mã hai chiều (QR) để đọc, giải mã nhanh thông tin trên Giấy phép lái xe và liên kết với hệ thống thông tin quản lý giấy phép lái xe.

10. Đổi Giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài cấp cho khách du lịch nước ngoài lái xe vào Việt Nam

10.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Người lái xe lập hồ sơ gửi đến Sở Giao thông vận tải.

b) Giải quyết TTHC:

- Sở Giao thông vận tải kiểm tra hồ sơ khi tiếp nhận; trường hợp hồ sơ không đúng theo quy định, phải thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản những nội dung cần bổ sung hoặc sửa đổi cho cá nhân trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ;

- Cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp có trách nhiệm hoàn thành nghĩa vụ nộp lệ phí cấp giấy phép lái xe khi được tiếp nhận hồ sơ theo quy định;

- Khi đến nhận giấy phép lái xe, người lái xe xuất trình bản chính các hồ sơ để đổi chiếu (trừ các bản chính đã gửi);

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định, Sở Giao thông vận tải thực hiện việc đổi giấy phép lái xe; trường hợp không đổi giấy phép lái xe thì phải trả lời và nêu rõ lý do;

- Sở Giao thông vận tải cấp giấy phép lái xe lưu trữ bản sao hồ sơ đổi giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài trong thời hạn 02 năm kể từ ngày cấp giấy phép lái xe.

10.2. Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu chính.

10.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị đổi giấy phép lái xe theo mẫu quy định;

- Bản dịch giấy phép lái xe nước ngoài ra tiếng Việt được bảo chứng chất lượng dịch thuật của cơ quan công chứng hoặc Đại sứ quán, Lãnh sự quán tại Việt Nam mà người dịch làm việc, đóng dấu giáp lai với bản sao giấy phép lái xe; trường hợp phát hiện có nghi vấn, cơ quan cấp đổi giấy phép lái xe có văn bản đề nghị Đại sứ quán, Lãnh sự quán của quốc gia cấp giấy phép lái xe tại Việt Nam xác minh;

- Bản sao có chứng thực danh sách xuất nhập cảnh của Bộ Công an hoặc bản sao hộ chiếu gồm phần số hộ chiếu, họ tên và ảnh người được cấp, thời hạn sử dụng và trang thị thực nhập cảnh vào Việt Nam;

- 01 ảnh màu cỡ 3 cm x 4 cm nền ảnh màu xanh, kiểu chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

10.4. Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định.

10.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Cá nhân.**10.6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Sở Giao thông vận tải;
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải;
- Cơ quan phối hợp: Không có.

10.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

- Giấy phép lái xe cơ giới đường bộ.

10.8. Phí, lệ phí:

- Lệ phí cấp giấy phép lái xe: 135.000 đồng/lần.

10.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:

- Đơn đề nghị đổi giấy phép lái xe cơ giới đường bộ;
- Giấy phép lái xe cơ giới đường bộ.

10.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Khách du lịch nước ngoài lái xe đăng ký nước ngoài vào Việt Nam, có giấy phép lái xe quốc gia còn thời hạn sử dụng, nếu có nhu cầu lái xe ở Việt Nam được xét đổi sang giấy phép lái xe tương ứng của Việt Nam;

10.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ;
- Thông tư số 38/2019/TT-BGTVT ngày 08/10/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ;
- Thông tư số 05/2024/TT-BGTVT ngày 31/3/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến lĩnh vực vận tải đường bộ, dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ, phương tiện và người lái;
- Thông tư số 37/2023/TT-BTC ngày 07/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ được hoạt động trên các loại phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng.

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI GIẤY PHÉP LÁI XE CƠ GIỚI ĐƯỜNG BỘ
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence- Freedom - Happiness

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI GIẤY PHÉP LÁI XE CƠ GIỚI ĐƯỜNG BỘ
APPLICATION FORM FOR EXCHANGE OF DRIVER'S LICENCE
 (Dùng cho người nước ngoài) - (For Foreigner only)

Kính gửi (To): Sở Giao thông vận tải...
 (Transport Department...)

Tôi là (Full name):.....
 Ngày tháng năm sinh (date of birth)
 Số hộ chiếu (Passport No.) cấp ngày (Issuing date): ngày (date):
 tháng (month)..... năm (year)..... nơi cấp (Place of issue):.....
 Hiện có giấy phép lái xe cơ giới đường bộ số (Current Driver's Licence No.):.....
 Cơ quan cấp (Issuing Office):.....
 Tại (Place of issue):.....
 Cấp ngày (Issuing date): ngày (date):..... tháng (month)..... năm (year).....
 Lý do xin đổi giấy phép lái xe (Reason of application for new driving licence):.....

Định cư lâu dài tại Việt Nam/không định cư lâu dài tại Việt Nam (Long time of staying in Viet Nam/Short time of staying in Viet Nam).

Ghi chú (note): Gửi kèm theo đơn (Documents enclosed as follows)

- Bản sao hộ chiếu (phần họ tên và ảnh; trang thị thực nhập cảnh) [Copy of passport (included pages: full name, photograph, valid visa)] (Đối với trường hợp chưa có số định danh cá nhân (In case there is no personal identification No.).

Tôi xin đảm bảo lời khai trên đây là đúng sự thật.

I certify that all the information included in this application and attached documents is correct and true.

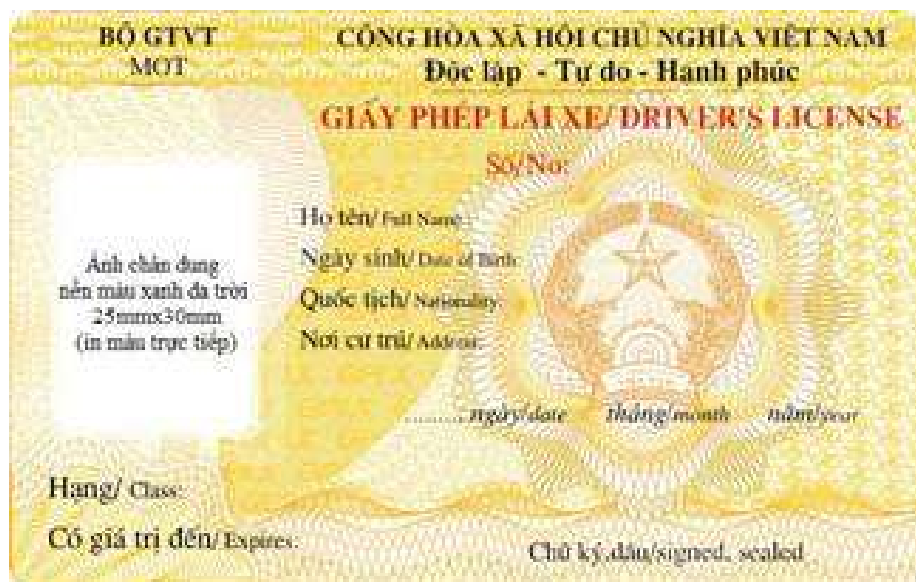
....., ngày (date) tháng (month) năm
 (year).....

NGƯỜI LÀM ĐƠN (APPLICANT)

(Ký và ghi rõ họ, tên)
 (Signature and Full name)

MẪU GIẤY PHÉP LÁI XE CƠ GIỚI ĐƯỜNG BỘ

1. Mặt trước:



2. Mặt sau:



- In từng hạng giấy phép lái xe cơ giới đường bộ mà người lái xe được phép điều khiển (hiển thị bằng tiếng Việt và tiếng Anh).
- Đối với hạng giấy phép lái xe số tự động, ghi là: Xe ô tô hạng B1 số tự động.
- Đối với giấy phép lái xe hạng A1 cấp cho người khuyết tật điều khiển xe mô tô ba bánh dùng cho người khuyết tật, ghi là: Xe mô tô ba bánh dùng cho người khuyết tật.
- Đối với giấy phép lái xe hạng B1 số tự động cấp cho người khuyết tật tay trái, ghi là: "Ô tô tự động chở người đến 9 chỗ ngồi, ô tô tải chuyên dùng số tự động, có trọng tải thiết kế dưới 3500kg có cơ cấu điều khiển đèn pha, đèn xi nhan phù hợp với người khuyết tật tay trái, không chuyên nghiệp.

Điều kiện hạn chế: Cấp cho người khuyết tật tay trái.”

đ) Đối với giấy phép lái xe hạng B1 số tự động cấp cho người khuyết tật tay phải, ghi là:

“Ô tô tự động chở người đến 9 chỗ ngồi, ô tô tải chuyên dùng số tự động, có trọng tải thiết kế dưới 3500kg có cơ cấu điều khiển đèn pha, đèn xi nhan phù hợp với người khuyết tật tay phải, không chuyên nghiệp.

Điều kiện hạn chế: Cấp cho người khuyết tật tay phải.”.

e) Đối với giấy phép lái xe hạng B1 số tự động cấp cho người khuyết tật chân phải, ghi là:

“Ô tô tự động chở người đến 9 chỗ ngồi, ô tô tải chuyên dùng số tự động, có trọng tải thiết kế dưới 3500kg có cơ cấu điều khiển ga động cơ, phanh chân phù hợp với người khuyết tật chân phải, không chuyên nghiệp.

Điều kiện hạn chế: Cấp cho người khuyết tật chân phải.”.

g) Đối với giấy phép lái xe hạng B1 số tự động cấp cho người khuyết tật nói chung (trừ khuyết tật tay trái, tay phải, chân phải), ghi là:

“Ô tô tự động chở người đến 9 chỗ ngồi, ô tô tải chuyên dùng số tự động, có trọng tải thiết kế dưới 3500kg, không chuyên nghiệp.

Điều kiện hạn chế: Cấp cho người khuyết tật nói chung (trừ khuyết tật tay trái, tay phải, chân phải).”.

h) Đối với một số trường hợp đặc thù được ghi rõ điều kiện hạn chế tại mặt sau của giấy phép lái xe.

3. Quy cách:

a) Kích thước: 85,6 x 53,98 x 0,76 mm (theo Tiêu chuẩn ICAO loại ID-1).

b) Tiêu đề "GIẤY PHÉP LÁI XE/ DRIVER'S LICENSE", "CÁC LOẠI XE CƠ GIỚI ĐƯỜNG BỘ ĐƯỢC ĐIỀU KHIỂN", chữ "Số/No." và " Ngày trúng tuyển" có màu đỏ, các chữ khác in màu đen.

c) Ảnh của người lái xe chụp trên nền màu xanh da trời được in trực tiếp trên giấy phép lái xe.

d) Có lớp màng phủ bảo an trên hai mặt của giấy phép lái xe.

đ) Phôi được làm bằng vật liệu PET hoặc vật liệu có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương, có hoa văn màu vàng rơm và các ký hiệu bảo mật.

e) Có mã hai chiều (QR) để đọc, giải mã nhanh thông tin trên Giấy phép lái xe và liên kết với hệ thống thông tin quản lý giấy phép lái xe.

11. Cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng lần đầu

11.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Chủ sở hữu xe máy chuyên dùng lập hồ sơ theo quy định và nộp tại Sở Giao thông vận tải nơi chủ sở hữu có trụ sở chính hoặc nơi đăng ký thường trú.

- Khi làm thủ tục đăng ký trực tiếp với cơ quan cấp đăng ký, chủ sở hữu xe máy chuyên dùng phải xuất trình chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn để kiểm tra; trường hợp không chính chủ thì người được ủy quyền phải có giấy ủy quyền của chủ sở hữu theo quy định của pháp luật; người đại diện cho tổ chức phải có giấy giới thiệu của tổ chức đó.

b) Giải quyết TTHC:

- Sở Giao thông vận tải tiếp nhận, kiểm tra nội dung hồ sơ và thông báo cho chủ sở hữu trong thời gian tối đa 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ đăng ký chưa đầy đủ theo quy định thì Sở Giao thông vận tải hướng dẫn chủ sở hữu bổ sung, hoàn thiện lại;

+ Trường hợp hồ sơ đăng ký đầy đủ theo quy định thì Sở Giao thông vận tải có Giấy hẹn kiểm tra. Thời gian kiểm tra xe máy chuyên dùng không quá 05 ngày kể từ ngày viết giấy hẹn.

Đối với trường hợp xe máy chuyên dùng đang hoạt động, tập kết ngoài địa phương cấp đăng ký thì Sở Giao thông vận tải nhận hồ sơ có văn bản đề nghị Sở Giao thông vận tải nơi có xe máy chuyên dùng đang hoạt động, tập kết kiểm tra xe máy chuyên dùng, thời hạn kiểm tra không quá 05 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị.

- Sở Giao thông vận tải tổ chức kiểm tra xe máy chuyên dùng theo thời gian và địa điểm ghi trong giấy hẹn, việc kiểm tra xe máy chuyên dùng phải lập thành Biên bản kiểm tra xe máy chuyên dùng.

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra hoặc nhận được kết quả kiểm tra đối với trường hợp xe máy chuyên dùng đang hoạt động, tập kết ngoài địa phương cấp đăng ký: trường hợp kết quả kiểm tra các hạng mục trong Biên bản đạt yêu cầu, Sở Giao thông vận tải cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số cho chủ sở hữu xe máy chuyên dùng và vào sổ quản lý đăng ký xe máy chuyên dùng; trường hợp kết quả kiểm tra không đạt yêu cầu thì thông báo cho chủ phương tiện và nêu rõ lý do.

- Chủ sở hữu xe máy chuyên dùng có trách nhiệm hoàn thành nộp lệ phí trước khi nhận kết quả thủ tục hành chính.

- Hiệu lực của Giấy chứng nhận đăng ký có thời hạn xe máy chuyên dùng được tính từ ngày cấp đăng ký đến hết thời hạn của Giấy phép đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.



11.2. Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải nơi chủ sở hữu có trụ sở chính hoặc nơi đăng ký thường trú.

11.3 Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Tờ khai đăng ký có thời hạn xe máy chuyên dùng theo mẫu;
- Bản chính giấy tờ xác định quyền sở hữu xe máy chuyên dùng (là một trong những giấy tờ sau):
 - + Hợp đồng mua bán, cho tặng hoặc văn bản thừa kế theo quy định của pháp luật;
 - + Hóa đơn bán hàng theo quy định của Bộ Tài chính;
 - + Văn bản của cấp có thẩm quyền đồng ý thanh lý xe theo quy định của pháp luật;
 - + Văn bản của bên cho thuê tài chính đồng ý cho bên thuê xe máy chuyên dùng được đăng ký quyền sở hữu theo quy định của pháp luật;
 - + Quyết định tiếp nhận viện trợ của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;
 - + Quyết định xuất, bán hàng dự trữ quốc gia của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.
- Bản chính giấy tờ xác định nguồn gốc xe máy chuyên dùng (là một trong những giấy tờ sau):
 - + Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải đối với xe máy chuyên dùng sản xuất, lắp ráp trong nước.
 - + Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng nhập khẩu hoặc thông báo miễn kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng nhập khẩu theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải đối với xe máy chuyên dùng nhập khẩu.
 - + Giấy chứng nhận chất lượng xe cải tạo theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải đối với xe máy chuyên dùng đã qua cải tạo kèm theo Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng hoặc Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng nhập khẩu hoặc thông báo miễn kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng nhập khẩu. Trường hợp thay thế tổng thành máy, khung xe phải có giấy tờ mua bán tổng thành máy hoặc khung xe thay thế theo quy định. Nếu tổng thành máy, khung xe thay thế được sử dụng từ các xe máy chuyên dùng đã được cấp đăng ký, phải có tờ khai thu hồi đăng ký, biển số theo mẫu số 1 của Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư 22/2019/TT-BGTVT.
- + Đối với xe máy chuyên dùng bị xử lý tịch thu sung quỹ nhà nước:
 - * Quyết định tịch thu sung quỹ nhà nước của cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;



* Hóa đơn bán tài sản tịch thu, sung quỹ nhà nước do Bộ Tài chính phát hành (trường hợp tài sản xử lý theo hình thức thanh lý); biên bản bàn giao tiếp nhận tài sản (trường hợp xử lý tài sản theo hình thức điều chuyển) theo quy định của pháp luật.

+ Đối với xe máy chuyên dùng có quyết định xử lý vật chứng

* Quyết định xử lý vật chứng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân hoặc Tòa án nhân dân theo quy định của pháp luật;

* Phiếu thu tiền hoặc giấy biên nhận tiền hoặc biên bản bàn giao theo quy định của pháp luật (nếu là người bị hại).

- Trường hợp nhiều xe chung một giấy tờ xác định quyền sở hữu xe máy chuyên dùng; giấy tờ xác định nguồn gốc xe máy chuyên dùng (đối với trường hợp xe máy chuyên dùng bị xử lý tịch thu sung quỹ nhà nước hoặc xe máy chuyên dùng có quyết định xử lý vật chứng) thì tổ chức, cá nhân khi đăng ký phải nộp bản chính và bản sao cho mỗi xe tại Sở Giao thông vận tải nơi đăng ký (trừ trường hợp xe máy chuyên dùng chưa đăng ký, khi di chuyển trên đường bộ phải được đăng ký tạm thời). Sở Giao thông vận tải nơi đăng ký có trách nhiệm xác nhận bằng văn bản với tổ chức, cá nhân đăng ký về việc đang lưu giữ bản chính.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

11.4. Thời hạn giải quyết:

- Thời hạn kiểm tra hồ sơ, viết giấy hẹn kiểm tra: 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ;

- Thời hạn kiểm tra: không quá 05 ngày kể từ ngày viết giấy hẹn; trường hợp xe máy chuyên dùng đang hoạt động, tập kết ngoài địa phương cấp đăng ký: thời hạn kiểm tra không quá 05 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị;

- Thời hạn cấp giấy chứng nhận đăng ký, biển số: 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra hoặc nhận được kết quả kiểm tra đối với trường hợp xe máy chuyên dùng đang hoạt động, tập kết ngoài địa phương cấp đăng ký.

11.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

11.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

11.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

- Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng;

- Biển số đăng ký xe máy chuyên dùng.

11.8. Phí, lệ phí, giá:



- Lệ phí cấp lần đầu giấy đăng ký kèm theo biển số: 200.000 đồng/lần/phương tiện.

11.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính, mẫu kết quả giải quyết TTHC:

- Tờ khai đăng ký xe máy chuyên dùng;
- Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng;
- Biển số đăng ký xe máy chuyên dùng.

11.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

11.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT ngày 12 tháng 6 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng ký xe máy chuyên dùng;
- Thông tư số 05/2024/TT-BGTVT ngày 31/3/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến lĩnh vực vận tải đường bộ, dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ, phương tiện và người lái;
- Thông tư số 37/2023/TT-BTC ngày 07/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ được hoạt động trên các loại phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI
ĐĂNG KÝ XE MÁY CHUYÊN DÙNG

1. Tên chủ sở hữu:
2. Ngày tháng năm sinh (nếu có):.....
3. Số CCCD hoặc CMND:
4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh):; ngày cấp:; Nơi cấp:.....
5. Họ và tên đồng chủ sở hữu (nếu có):.....
6. Ngày tháng năm sinh (nếu có):.....
7. Số CCCD hoặc CMND:
8. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh):; ngày cấp:; Nơi cấp:.....
9. Loại xe máy chuyên dùng:.....
10. Nhãn hiệu (mác, kiểu): 14. Công suất:(kW).....
11. Màu sơn:..... 15. Năm sản xuất:
12. Nước sản xuất:..... 16. Số khung:.....
13. Số động cơ:..... 17. Trọng lượng: (kg)
18. Kích thước bao (dài x rộng x cao (mm)):.....
19. Giấy tờ kèm theo nếu có:

TT	Số của giấy tờ	Trích yếu nội dung	Nơi cấp giấy tờ	Ngày cấp	Số trang
1					
2					
3					

Nội dung khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật. Đề nghị Sở Giao thông vận tảixem xét cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số cho chiếc xe máy chuyên dùng khai trên.

....., ngày.....tháng.....năm.....

Người khai
(Ký, ghi rõ họ tên)



Phần ghi của Sở Giao thông vận tải:*(Dán trà số động cơ)**(Dán trà số khung)*** chỉ dán trà số động cơ của máy chính**- Đăng ký lần đầu ☐;**Số biển số cũ (nếu có):.....Biển số đề nghị cấp***Cán bộ làm thủ tục**
*(Ký, ghi rõ họ tên)***Trưởng phòng duyệt**
*(Ký, ghi rõ họ tên)***GIÁM ĐỐC**
*(Ký tên, đóng dấu)***Ghi chú: - Đánh dấu “x” vào các ô tương ứng;**- Mục công suất ghi theo hồ sơ kỹ thuật của động cơ chính;**- Cán bộ làm thủ tục phải ký chéo vào vị trí dán trà số động cơ, số khung.*

MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ XE MÁY CHUYÊN DÙNG

1. Kích thước:

- Chiều dài: 95 mm,
- Chiều rộng: 60 mm
- Có viền xung quanh rộng 1mm và cách mép ngoài của giấy chứng nhận là 1 mm.

2. Bảo mật chống làm giả: Loại giấy tốt, có hoa văn, nền màu vàng nhạt.

3. Mẫu Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng:

a) Mặt trước:

Tem chống làm giả	BỘ GTVT CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u> Số /XMCD GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ XE MÁY CHUYÊN DÙNG - Tên chủ sở hữu:..... - Tên đồng chủ sở hữu:..... - Địa chỉ:..... - Tên xe máy chuyên dùng:..... Biển số đăng ký:.....
-------------------------	---

b) Mặt sau:

ĐẶC ĐIỂM					
Nhãn hiệu:.....	Màu sơn:.....				
Nước sản xuất:.....					
Số động cơ:.....	Số khung:.....				
Công suất động cơ:.....	Trọng lượng:.....Kg				
Kích thước bao (dài x rộng x cao):.....					
- Đăng ký lần đầu: - Sang tên chủ sở hữu: - Cập lại đăng ký: - Mất chứng từ gốc:	<table border="1" style="width: 100px; height: 100px; margin: 0 auto;"> <tr><td style="height: 25px;"></td></tr> <tr><td style="height: 25px;"></td></tr> <tr><td style="height: 25px;"></td></tr> <tr><td style="height: 25px;"></td></tr> </table> Ngày tháng năm Sở GTVT..... (ký tên, đóng dấu)				

4. Cách ghi:

- a) Chữ và số ghi trong giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng là chữ in, kiểu chữ Unicode, cỡ chữ phù hợp với dòng để trống. Không được viết tay. Tên của giấy chứng nhận đăng ký viết in hoa, màu đỏ.
- b) Tại ô vuông mặt sau đánh dấu "x" tương ứng với từng mục đã in sẵn.
- c) Số thứ tự đăng ký xe máy chuyên dùng có 5 chữ số, bắt đầu từ 00001.
- d) Mục công suất ghi công suất của động cơ chính theo hồ sơ kỹ thuật.

MẪU BIỂN SỐ ĐĂNG KÝ XE MÁY CHUYÊN DÙNG

1. Kích thước biển số

- a) Biển phía trước: Chiều dài: 470 mm; Chiều cao: 110 mm; Chiều dày: 1 mm.
b) Biển phía sau: Chiều dài 280 mm; Chiều cao: 200 xmm: Chiều dày 1 mm.

2. Quy cách

- a) Vật liệu: làm bằng hợp kim nhôm, chống sự hao mòn kim loại cao và được tráng lớp sơn phản quang màu vàng rơm;
b) Đường viền xung quanh: chữ, số được dập nổi và sơn màu đen;
c) Kích cỡ của chữ và số:
- Đường viền xung quanh rộng 5 mm,
- Chiều cao chữ và số 80 mm,
- Chiều rộng của chữ và số 45 mm,
- Chiều rộng nét chữ và số 20 mm,
- Khoảng cách từ mép ngoài biển số đến chữ số đầu tiên và chữ số cuối cùng là 20 mm; khoảng cách giữa chữ và số được chia đều nhau.

3. Nội dung ghi trên biển số :

Biển số đăng ký gồm 8 ký tự được sắp xếp như sau:

--	--	--	--	--	--	--	--

- a) Ký tự **1** và **2** là mã số đăng ký theo Phụ lục 8 của Thông tư này;
b) Ký tự **3** quy định về loại loại bánh xe di chuyển:

L: bánh lốp;

S: Bánh thép, bánh hỗn hợp thép và lốp;

X: bánh xích, bánh hỗn hợp xích và lốp.

- c) Ký tự **4** là một trong những bảng hệ thống chữ cái tiếng Việt sau đây: **A,B,C,D,G,H,K,L,M,N,P,Q,R,S,T,U,V,X;**

- d) Ký tự: **5,6,7,8** là ký hiệu số của biển số xe máy chuyên dùng từ 0001 trở đi.

4. Bố trí các ký tự trên biển số :

- a) Biển phía trước: Các ký tự được bố trí thành một hàng, đầu tiên là các ký tự **1,2,3,4**, tiếp theo là ký hiệu chống làm giả, có chiều dài là 15 mm, chiều rộng là 11 mm, tiếp theo là các ký tự **5,6,7,8**.
b) Biển phía sau: Các ký tự được bố trí thành 2 hàng. Hàng trên gồm các ký tự **1,2,3,4**. Hàng dưới là các ký tự **5,6,7,8**.

Sau đây là ví dụ Biển số đăng ký tại Hà Nội:



Biển số phía trước

29LA - 0001

Biển số phía sau

29 LA

0001



12. Cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có thời hạn

12.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Chủ sở hữu xe máy chuyên dùng được tạm nhập, tái xuất thuộc các chương trình dự án của nước ngoài đầu tư tại Việt Nam, các dự án ODA đầu tư tại Việt Nam lập hồ sơ theo quy định và nộp tại Sở Giao thông vận tải nơi chủ sở hữu có trụ sở chính hoặc nơi đăng ký thường trú.

- Khi làm thủ tục đăng ký trực tiếp với cơ quan cấp đăng ký, chủ sở hữu xe máy chuyên dùng phải xuất trình chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn để kiểm tra; trường hợp không chính chủ thì người được ủy quyền phải có giấy ủy quyền của chủ sở hữu theo quy định của pháp luật; người đại diện cho tổ chức phải có giấy giới thiệu của tổ chức đó.

b) Giải quyết TTHC:

- Sở Giao thông vận tải tiếp nhận, kiểm tra nội dung hồ sơ và thông báo cho chủ sở hữu trong thời gian tối đa 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ đăng ký chưa đầy đủ theo quy định thì Sở Giao thông vận tải hướng dẫn chủ sở hữu bổ sung, hoàn thiện lại;

+ Trường hợp hồ sơ đăng ký đầy đủ theo quy định thì Sở Giao thông vận tải có Giấy hẹn kiểm tra. Thời gian kiểm tra xe máy chuyên dùng không quá 05 ngày kể từ ngày viết giấy hẹn.

Đối với trường hợp xe máy chuyên dùng đang hoạt động, tập kết ngoài địa phương cấp đăng ký thì Sở Giao thông vận tải nhận hồ sơ có văn bản đề nghị Sở Giao thông vận tải nơi có xe máy chuyên dùng đang hoạt động, tập kết kiểm tra xe máy chuyên dùng, thời hạn kiểm tra không quá 05 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị.

- Sở Giao thông vận tải tổ chức kiểm tra xe máy chuyên dùng theo thời gian và địa điểm ghi trong giấy hẹn, việc kiểm tra xe máy chuyên dùng phải lập thành Biên bản kiểm tra xe máy chuyên dùng.

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra hoặc nhận được kết quả kiểm tra đối với trường hợp xe máy chuyên dùng đang hoạt động, tập kết ngoài địa phương cấp đăng ký: trường hợp kết quả kiểm tra các hạng mục trong Biên bản đạt yêu cầu, Sở Giao thông vận tải cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số cho chủ sở hữu xe máy chuyên dùng và vào sổ quản lý đăng ký xe máy chuyên dùng; trường hợp kết quả kiểm tra không đạt yêu cầu thì thông báo cho chủ phương tiện và nêu rõ lý do.

- Chủ sở hữu xe máy chuyên dùng có trách nhiệm hoàn thành nộp lệ phí trước khi nhận kết quả thủ tục hành chính.

- Hiệu lực của Giấy chứng nhận đăng ký có thời hạn xe máy chuyên dùng được tính từ ngày cấp đăng ký đến hết thời hạn của Giấy phép đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

12.2. Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải nơi chủ sở hữu có trụ sở chính hoặc nơi đăng ký thường trú.

12.3 Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Tờ khai đăng ký xe máy chuyên dùng theo mẫu;
- Giấy phép đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực);
- Bản chính giấy tờ xác định quyền sở hữu xe máy chuyên dùng (là một trong những giấy tờ sau):
 - + Hợp đồng mua bán, cho tặng hoặc văn bản thừa kế theo quy định của pháp luật;
 - + Hóa đơn bán hàng theo quy định của Bộ Tài chính;
 - + Văn bản của cấp có thẩm quyền đồng ý thanh lý xe theo quy định của pháp luật;
 - + Văn bản của bên cho thuê tài chính đồng ý cho bên thuê xe máy chuyên dùng được đăng ký quyền sở hữu theo quy định của pháp luật;
 - + Quyết định tiếp nhận viện trợ của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;
 - + Quyết định xuất, bán hàng dự trữ quốc gia của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.
- Bản chính giấy tờ xác định nguồn gốc xe máy chuyên dùng (là một trong những giấy tờ sau):
 - + Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải đối với xe máy chuyên dùng sản xuất, lắp ráp trong nước.
 - + Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng nhập khẩu hoặc thông báo miễn kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng nhập khẩu theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải đối với xe máy chuyên dùng nhập khẩu.
 - + Giấy chứng nhận chất lượng xe cải tạo theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải đối với xe máy chuyên dùng đã qua cải tạo kèm theo Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng hoặc Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng nhập khẩu hoặc thông báo miễn kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng nhập khẩu. Trường hợp thay thế tổng thành máy, khung xe phải có giấy tờ mua bán tổng thành máy hoặc khung xe thay thế theo quy định. Nếu tổng thành máy, khung xe thay thế được sử dụng từ các xe máy chuyên dùng đã được cấp đăng ký, phải có tờ khai thu hồi đăng ký, biển số theo mẫu số 1 của Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư 22/2019/TT-BGTVT.
- + Đối với xe máy chuyên dùng bị xử lý tịch thu sung quỹ nhà nước:



* Quyết định tịch thu sung quỹ nhà nước của cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;

* Hóa đơn bán tài sản tịch thu, sung quỹ nhà nước do Bộ Tài chính phát hành (trường hợp tài sản xử lý theo hình thức thanh lý); biên bản bàn giao tiếp nhận tài sản (trường hợp xử lý tài sản theo hình thức điều chuyển) theo quy định của pháp luật.

+ Đối với xe máy chuyên dùng có quyết định xử lý vật chứng

* Quyết định xử lý vật chứng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân hoặc Tòa án nhân dân theo quy định của pháp luật;

* Phiếu thu tiền hoặc giấy biên nhận tiền hoặc biên bản bàn giao theo quy định của pháp luật (nếu là người bị hại).

- Trường hợp nhiều xe chung một giấy tờ xác định quyền sở hữu xe máy chuyên dùng, giấy tờ xác định nguồn gốc xe máy chuyên dùng (trường hợp xe máy chuyên dùng bị xử lý tịch thu sung quỹ nhà nước hoặc xe máy chuyên dùng có quyết định xử lý vật chứng) thì tổ chức, cá nhân khi đăng ký phải nộp bản chính và bản sao cho mỗi xe tại Sở Giao thông vận tải nơi đăng ký (trừ trường hợp xe máy chuyên dùng chưa đăng ký, khi di chuyển trên đường bộ phải được đăng ký tạm thời). Sở Giao thông vận tải nơi đăng ký có trách nhiệm xác nhận bằng văn bản với tổ chức, cá nhân đăng ký về việc đang lưu giữ bản chính.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

12.4. Thời hạn giải quyết:

- Thời hạn kiểm tra hồ sơ, viết giấy hẹn kiểm tra: 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ;

- Thời hạn kiểm tra: không quá 05 ngày kể từ ngày viết giấy hẹn; trường hợp xe máy chuyên dùng đang hoạt động, tập kết ngoài địa phương cấp đăng ký: thời hạn kiểm tra không quá 05 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị;

- Thời hạn cấp giấy chứng nhận đăng ký, biển số: 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra hoặc nhận được kết quả kiểm tra đối với trường hợp xe máy chuyên dùng đang hoạt động, tập kết ngoài địa phương cấp đăng ký.

12.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

12.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

12.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

- Giấy chứng nhận đăng ký có thời hạn xe máy chuyên dùng;



- Biển số đăng ký xe máy chuyên dùng.

12.8. Phí, lệ phí, giá:

- Lệ phí cấp có thời hạn giấy đăng ký kèm theo biển số: 200.000 đồng/lần/phương tiện.

12.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính, mẫu kết quả giải quyết TTHC:

- Tờ khai đăng ký có thời hạn xe máy chuyên dùng;

- Giấy chứng nhận đăng ký có thời hạn xe máy chuyên dùng;

- Biển số đăng ký xe máy chuyên dùng.

12.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

12.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT ngày 12 tháng 6 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng ký xe máy chuyên dùng;

- Thông tư số 05/2024/TT-BGTVT ngày 31/3/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến lĩnh vực vận tải đường bộ, dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ, phương tiện và người lái;

- Thông tư số 37/2023/TT-BTC ngày 07/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ được hoạt động trên các loại phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI
ĐĂNG KÝ CÓ THỜI HẠN XE MÁY CHUYÊN DÙNG

1. Tên chủ sở hữu:
2. Ngày tháng năm sinh (nếu có):.....
3. Số CCCD hoặc CMND:
4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh):; ngày cấp:; Nơi cấp:.....
5. Họ và tên đồng chủ sở hữu (nếu có):.....
6. Ngày tháng năm sinh (nếu có):.....
7. Số CCCD hoặc CMND:
8. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh):; ngày cấp:; Nơi cấp:.....
9. Loại xe máy chuyên dùng:.....
10. Nhãn hiệu (mác, kiểu): 14. Công suất:(kW).....
11. Màu sơn:..... 15. Năm sản xuất:
12. Nước sản xuất:..... 16. Số khung:.....
13. Số động cơ:..... 17. Trọng lượng: (kg)
18. Kích thước bao (dài x rộng x cao (mm)):.....
19. Giấy tờ kèm theo nếu có:

TT	Số của giấy tờ	Trích yếu nội dung	Nơi cấp giấy tờ	Ngày cấp	Số trang

Nội dung khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Đề nghị Sở Giao thông vận tảixem xét cấp
 Giấy chứng nhận đăng ký, biển số cho chiếc xe máy chuyên dùng khai trên

....., ngày.....tháng.....năm.....

Người khai
 (Ký, ghi rõ họ tên)



Phần ghi của Sở Giao thông vận tải:*(Dán trà số động cơ)**(Dán trà số khung)*** chỉ dán trà số động cơ của máy chính*

Biên số đề nghị cấp:.....

Giấy chứng nhận đăng ký có giá trị đến:.....

Cán bộ làm thủ tục*(Ký, ghi rõ họ tên)***Trưởng phòng duyệt***(Ký, ghi rõ họ tên)***Giám đốc***(Ký tên, đóng dấu)***Ghi chú:*

- Đánh dấu "x" vào các ô tương ứng;
- Mục công suất ghi theo hồ sơ kỹ thuật của động cơ chính;
- Cán bộ làm thủ tục phải ký chéo vào vị trí dán trà số động cơ, số khung.

**MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐĂNG KÝ CÓ THỜI HẠN XE MÁY CHUYÊN DÙNG**

1. Kích thước:

- Chiều dài: 95 mm;
- Chiều rộng: 60 mm;
- Có viền xung quanh rộng 1mm và cách mép ngoài của giấy chứng nhận là 1 mm.

2. Bảo mật chống làm giả: Loại giấy tốt, có hoa văn, nền màu vàng nhạt;

3. Mẫu Giấy chứng nhận đăng ký có then hạn xe máy chuyên dùng :

a) Mặt trước:

BỘ GTVT CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số /XMCD

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ
CÓ THỜI HẠN XE MÁY CHUYÊN DÙNG**

- Tên chủ sở hữu:.....

- Địa chỉ:.....

- Tên xe máy chuyên dùng:.....

Biển số đăng ký:.....

b) Mặt sau:

ĐẶC ĐIỂM

Nhãn hiệu:.....Màu sơn.....

Nước sản xuất:.....

Số động cơ:.....Số khung.....

Công suất động cơ:.....Trọng lượng.....Kg

Kích thước bao (dài x rộng x cao):.....

Ngày tháng năm
Sở GTVT.....
(ký tên, đóng dấu)

Có giá trị đến:

4. Cách ghi:

- a) Chữ và số ghi trọng giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng là chữ in, kiểu chữ Unicode, cỡ chữ phù hợp với dòng để trống. Không được viết tay. Tên của giấy chứng nhận đăng ký viết in hoa, màu đỏ.
- b) Số thứ tự đăng ký xe máy chuyên dùng có 5 chữ số, bắt đầu từ 00001.
- c) Mục công suất ghi công suất của máy chính theo hồ sơ kỹ thuật.

MẪU BIỂN SỐ ĐĂNG KÝ XE MÁY CHUYÊN DÙNG

1. Kích thước biển số

a) Biển phía trước: Chiều dài: 470 mm; Chiều cao: 110 mm; Chiều dày: 1 mm.

b) Biển phía sau: Chiều dài 280 mm; Chiều cao: 200 xmm: Chiều dày 1 mm.

2. Quy cách

a) Vật liệu: làm bằng hợp kim nhôm, chống sự hao mòn kim loại cao và được tráng lớp sơn phản quang màu vàng rơm;

b) Đường viền xung quanh: chữ, số được dập nổi và sơn màu đen;

c) Kích cỡ của chữ và số:

- Đường viền xung quanh rộng 5 mm,

- Chiều cao chữ và số 80 mm,

- Chiều rộng của chữ và số 45 mm,

- Chiều rộng nét chữ và số 20 mm,

- Khoảng cách từ mép ngoài biển số đến chữ số đầu tiên và chữ số cuối cùng là 20 mm; khoảng cách giữa chữ và số được chia đều nhau.

3. Nội dung ghi trên biển số :

Biển số đăng ký gồm 8 ký tự được sắp xếp như sau:

--	--	--	--	--	--	--	--

a) Ký tự **1** và **2** là mã số đăng ký theo Phụ lục 8 của Thông tư này;

b) Ký tự **3** quy định về loại loại bánh xe di chuyển:

L: bánh lốp;

S: Bánh thép, bánh hỗn hợp thép và lốp;

X: bánh xích, bánh hỗn hợp xích và lốp.

c) Ký tự **4** là một trong những bảng hệ thống chữ cái tiếng Việt sau đây: **A,B,C,D,G,H,K,L,M,N,P,Q,R,S,T,U,V,X;**

d) Ký tự: **5,6,7,8** là ký hiệu số của biển số xe máy chuyên dùng từ 0001 trở đi.

4. Bố trí các ký tự trên biển số :

a) Biển phía trước: Các ký tự được bố trí thành một hàng, đầu tiên là các ký tự **1,2,3,4**, tiếp theo là ký hiệu chống làm giả, có chiều dài là 15 mm, chiều rộng là 11 mm, tiếp theo là các ký tự **5,6,7,8**.

b) Biển phía sau: Các ký tự được bố trí thành 2 hàng. Hàng trên gồm các ký tự **1,2,3,4**. Hàng dưới là các ký tự **5,6,7,8**.

Sau đây là ví dụ Biển số đăng ký tại Hà Nội:

Biển số phía trước

29LA - 0001

Biển số phía sau

**29 LA
0001**



13. Cấp Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời xe máy chuyên dùng

13.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Chủ sở hữu xe máy chuyên dùng chưa đăng ký, khi di chuyển trên đường bộ lập hồ sơ theo quy định và nộp tại Sở Giao thông vận tải nơi gần nhất.
- Khi làm thủ tục đăng ký trực tiếp với cơ quan cấp đăng ký, chủ sở hữu xe máy chuyên dùng phải xuất trình chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn để kiểm tra; trường hợp không chính chủ thì người được ủy quyền phải có giấy ủy quyền của chủ sở hữu theo quy định của pháp luật; người đại diện cho tổ chức phải có giấy giới thiệu của tổ chức đó.

b) Giải quyết TTHC:

- Sở Giao thông vận tải tiếp nhận, kiểm tra nội dung hồ sơ và thông báo cho chủ sở hữu trong thời gian tối đa 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ.
- + Trường hợp hồ sơ đăng ký chưa đầy đủ theo quy định thì Sở Giao thông vận tải hướng dẫn chủ sở hữu bổ sung, hoàn thiện lại;
- + Trường hợp hồ sơ đăng ký đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Giao thông vận tải cấp Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời và vào sổ quản lý đăng ký xe máy chuyên dùng. Trường hợp không cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.
- Chủ sở hữu xe máy chuyên dùng có trách nhiệm hoàn thành nộp lệ phí trước khi nhận kết quả thủ tục hành chính.
- Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời có thời hạn 20 ngày kể từ ngày cấp.

13.2. Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải nơi gần nhất.

13.3 Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Tờ khai cấp Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời xe máy chuyên dùng theo mẫu;
- Giấy tờ xác định quyền sở hữu xe máy chuyên dùng (bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực) là một trong những giấy tờ sau:
 - + Hợp đồng mua bán, cho tặng hoặc văn bản thừa kế theo quy định của pháp luật;
 - + Hóa đơn bán hàng theo quy định của Bộ Tài chính;
 - + Văn bản của cấp có thẩm quyền đồng ý thanh lý xe theo quy định của pháp luật;
 - + Văn bản của bên cho thuê tài chính đồng ý cho bên thuê xe máy chuyên dùng được đăng ký quyền sở hữu theo quy định của pháp luật;
 - + Quyết định tiếp nhận viện trợ của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;

+ Quyết định xuất, bán hàng dự trữ quốc gia của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

- Giấy tờ xác định nguồn gốc xe máy chuyên dùng (bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực) là một trong những giấy tờ sau:

+ Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải đối với xe máy chuyên dùng sản xuất, lắp ráp trong nước.

+ Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng nhập khẩu hoặc thông báo miễn kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng nhập khẩu theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải đối với xe máy chuyên dùng nhập khẩu.

+ Giấy chứng nhận chất lượng xe cải tạo theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải đối với xe máy chuyên dùng đã qua cải tạo kèm theo Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng hoặc Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng nhập khẩu hoặc thông báo miễn kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng nhập khẩu. Trường hợp thay thế tổng thành máy, khung xe phải có giấy tờ mua bán tổng thành máy hoặc khung xe thay thế theo quy định. Nếu tổng thành máy, khung xe thay thế được sử dụng từ các xe máy chuyên dùng đã được cấp đăng ký, phải có tờ khai thu hồi đăng ký, biển số theo mẫu số 1 của Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư 22/2019/TT-BGTVT.

+ Đối với xe máy chuyên dùng bị xử lý tịch thu sung quỹ nhà nước:

* Quyết định tịch thu sung quỹ nhà nước của cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;

* Hóa đơn bán tài sản tịch thu, sung quỹ nhà nước do Bộ Tài chính phát hành (trường hợp tài sản xử lý theo hình thức thanh lý); biên bản bàn giao tiếp nhận tài sản (trường hợp xử lý tài sản theo hình thức điều chuyển) theo quy định của pháp luật.

+ Đối với xe máy chuyên dùng có quyết định xử lý vật chứng

* Quyết định xử lý vật chứng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân hoặc Tòa án nhân dân theo quy định của pháp luật;

* Phiếu thu tiền hoặc giấy biên nhận tiền hoặc biên bản bàn giao theo quy định của pháp luật (nếu là người bị hại).

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

13.4. Thời hạn giải quyết:

- 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

13.5. Đối tượng thực hiện TTHC:

- Tổ chức, cá nhân.

13.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải;
- d) Cơ quan phối hợp: Không có.

13.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

- Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời xe máy chuyên dùng.

13.8. Phí, lệ phí, giá:

- Lệ phí cấp giấy chứng nhận đăng ký kèm theo biển số tạm thời: 70.000 đồng/lần/phương tiện.

13.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính, mẫu kết quả giải quyết TTHC:

- Tờ khai cấp giấy chứng nhận đăng ký tạm thời xe máy chuyên dùng;
- Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời xe máy chuyên dùng.

13.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

13.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT ngày 12 tháng 6 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng ký xe máy chuyên dùng;
- Thông tư số 05/2024/TT-BGTVT ngày 31/3/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến lĩnh vực vận tải đường bộ, dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ, phương tiện và người lái;
- Thông tư số 37/2023/TT-BTC ngày 07/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ được hoạt động trên các loại phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI

CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ TẠM THỜI XE MÁY CHUYÊN DÙNG

1. Tên chủ sở hữu:
2. Ngày tháng năm sinh (nếu có):.....
3. Số CCCD hoặc CMND:
4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh):; ngày cấp:; Nơi cấp:.....
5. Họ và tên đồng chủ sở hữu (nếu có):.....
6. Ngày tháng năm sinh (nếu có):.....
7. Số CCCD hoặc CMND:
8. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh):; ngày cấp:; Nơi cấp:.....
9. Loại xe máy chuyên dùng:.....
10. Nhãn hiệu (mác, kiểu): 14. Công suất:(kW).....
11. Màu sơn:..... 15. Năm sản xuất:
12. Nước sản xuất:..... 16. Số khung:.....
13. Số động cơ:..... 17. Trọng lượng: (kg)
18. Kích thước bao (dài x rộng x cao (mm)):.....
19. Giấy tờ kèm theo nếu có:

TT	Số của giấy tờ	Trích yếu nội dung	Nơi cấp giấy tờ	Ngày cấp	Số trang

Nội dung khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật

Đề nghị Sở Giao thông vận tảixem xét cấp
 Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời cho chiếc xe máy chuyên dùng khai trên.

....., ngày.....tháng.....năm.....

Người khai
 (Ký, ghi rõ họ tên)



Phần ghi của Sổ Giao thông vận tải:

Số đăng ký tạm thời:..... cấp ngày... tháng.....năm.....

Giấy chứng nhận đăng ký có giá trị đến:.....

Cán bộ làm thủ tục
(Ký, ghi rõ họ tên)

Trưởng phòng duyệt
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký tên, đóng dấu)

** Ghi chú: Tờ khai lập thành 02 bản:*

- Chủ sở hữu xe máy chuyên dùng kèm theo hồ sơ 01 bản;
- Lưu Sổ Giao thông vận tải 01 bản.

MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ TẠM THỜI XE MÁY CHUYÊN DÙNG

1. Kích thước:

- Chiều rộng: 100 mm,
 - Chiều dài: 140 mm, .
 - Có viền xung quanh rộng 1mm và cách mép ngoài của giấy chứng nhận là 1 mm.
2. Bảo mật chống làm giả: Loại giấy tốt, nền màu vàng nhạt.

Sở GTVT -----	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc -----
GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ TẠM THỜI XE MÁY CHUYÊN DÙNG Số...../XMCD	
Tên chủ sở hữu.....	
Địa chỉ thường trú.....	
Tên xe máy chuyên dùng.....	
Nhãn hiệu (kiểu loại).....Màu sơn.....	
.....ngày.....tháng.....năm.....	
Giám đốc Sở GTVT	
Có giá trị đến:...../...../.....	

3. Cách ghi:

- a) Chữ và số ghi trong giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng là chữ in, kiểu chữ Unicode, cỡ chữ 14, không được viết tay.
- b) Tên của “Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời xe máy chuyên dùng” viết in. hoa, cỡ chữ 14.
- c) Số thứ tự của Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng có 5 chữ số, bắt đầu từ 00001. Cỡ số 16 đậm.
- d) Thời gian hiệu lực là 20 ngày kể từ ngày cấp.

14. Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng

14.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Chủ sở hữu có xe máy chuyên dùng cải tạo, thay đổi màu sơn; thay đổi các thông tin liên quan đến chủ sở hữu (không thay đổi chủ sở hữu); Giấy chứng nhận đăng ký hoặc biển số bị hỏng lập hồ sơ theo quy định và nộp tại Sở Giao thông vận tải nơi đã đăng ký xe máy chuyên dùng.

- Khi làm thủ tục đăng ký trực tiếp với cơ quan cấp đăng ký, chủ sở hữu xe máy chuyên dùng phải xuất trình chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn để kiểm tra; trường hợp không chính chủ thì người được ủy quyền phải có giấy ủy quyền của chủ sở hữu theo quy định của pháp luật; người đại diện cho tổ chức phải có giấy giới thiệu của tổ chức đó.

b) Giải quyết TTHC:

- Sở Giao thông vận tải tiếp nhận, kiểm tra nội dung hồ sơ và thông báo cho chủ sở hữu trong thời gian tối đa 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ.

- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định thì Sở Giao thông vận tải hướng dẫn chủ sở hữu bổ sung, hoàn thiện lại.

- Trường hợp hồ sơ đầy đủ theo quy định: trong thời gian không quá 03 ngày làm việc Sở Giao thông vận tải cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký cho chủ sở hữu, thu và cắt góc phía trên bên phải Giấy chứng nhận đăng ký đã cấp; trong thời gian không quá 15 ngày làm việc, Sở Giao thông vận tải cấp đổi biển số theo đúng số đã cấp cho chủ sở hữu, thu lại biển số hỏng.

- Trường hợp đăng ký xe máy chuyên dùng cải tạo: hồ sơ đăng ký đầy đủ theo quy định thì Sở Giao thông vận tải có Giấy hẹn kiểm tra. Thời gian kiểm tra xe máy chuyên dùng không quá 05 ngày kể từ ngày viết giấy hẹn. Đối với trường hợp xe máy chuyên dùng đang hoạt động, tập kết ngoài địa phương cấp đăng ký thì Sở Giao thông vận tải nhận hồ sơ có văn bản đề nghị Sở Giao thông vận tải nơi có xe máy chuyên dùng đang hoạt động, tập kết kiểm tra xe máy chuyên dùng, thời hạn kiểm tra không quá 05 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị.

+ Sở Giao thông vận tải tổ chức kiểm tra xe máy chuyên dùng theo thời gian và địa điểm ghi trong giấy hẹn, việc kiểm tra xe máy chuyên dùng phải lập thành Biên bản kiểm tra xe máy chuyên dùng.

+ Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra hoặc nhận được kết quả kiểm tra đối với trường hợp xe máy chuyên dùng đang hoạt động, tập kết ngoài địa phương cấp đăng ký: trường hợp kết quả kiểm tra các hạng mục trong Biên bản đạt yêu cầu, Sở Giao thông vận tải cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số cho chủ sở hữu xe máy chuyên dùng và vào sổ quản lý đăng ký xe máy chuyên dùng; trường hợp kết quả kiểm tra không đạt yêu cầu thì thông báo cho chủ phương tiện và nêu rõ lý do.



- Chủ sở hữu xe máy chuyên dùng có trách nhiệm hoàn thành nộp lệ phí trước khi nhận kết quả thủ tục hành chính.

14.2. Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải nơi đã đăng ký xe máy chuyên dùng.

14.3 Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Tờ khai đổi Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng;
- Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng đã được cấp;
- Bản chính Giấy chứng nhận chất lượng xe cải tạo theo quy định của Bộ Giao thông vận tải đối với trường hợp xe máy chuyên dùng cải tạo;
- Quyết định hoặc giấy tờ về việc thay đổi do cơ quan có thẩm quyền cấp đối với trường hợp chủ sở hữu thay đổi thông tin liên quan (bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực).

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

14.4. Thời hạn giải quyết:

- Trường hợp thay đổi các thông tin liên quan đến chủ sở hữu (không thay đổi chủ sở hữu); Giấy chứng nhận đăng ký hoặc biển số bị hỏng:
 - + Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định;
 - + Cấp đổi biển số: trong thời gian không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.
- Trường hợp cải tạo, thay đổi màu sơn:
 - + Thời hạn kiểm tra hồ sơ, viết giấy hẹn: 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ;
 - + Thời hạn kiểm tra: 05 ngày kể từ ngày viết giấy hẹn; trường hợp xe máy chuyên dùng đang hoạt động, tập kết ngoài địa phương thời hạn kiểm tra không quá 05 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị.
 - + Thời hạn cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số: 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra hoặc nhận được kết quả kiểm tra đối với trường hợp xe máy chuyên dùng đang hoạt động, tập kết ngoài địa phương cấp đăng ký.

14.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

14.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải;



d) Cơ quan phối hợp: Không có.

14.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

- Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng;
- Biển số đăng ký xe máy chuyên dùng.

14.8. Phí, lệ phí, giá:

- Lệ phí đổi giấy đăng ký kèm theo biển số: 200.000 đồng/lần/phương tiện;
- Lệ phí đổi giấy đăng ký không kèm theo biển số: 50.000 đồng/lần/phương tiện;
- Lệ phí đóng lại số khung, số máy: 50.000 đồng/lần/phương tiện.

14.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính, mẫu kết quả giải quyết TTHC:

- Tờ khai đổi, cấp lại giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng;
- Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng;
- Biển số đăng ký xe máy chuyên dùng.

14.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

14.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT ngày 12 tháng 6 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng ký xe máy chuyên dùng;
- Thông tư số 05/2024/TT-BGTVT ngày 31/3/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến lĩnh vực vận tải đường bộ, dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ, phương tiện và người lái;
- Thông tư số 37/2023/TT-BTC ngày 07/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ được hoạt động trên các loại phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI
ĐỔI, CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ, BIỂN SỐ XE MÁY
CHUYÊN DÙNG

1. Tên chủ sở hữu:
 2. Ngày tháng năm sinh (nếu có):.....
 3. Số CCCD hoặc CMND:
 4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh):; ngày cấp:; Nơi cấp:.....
 5. Họ và tên đồng chủ sở hữu (nếu có):.....
 6. Ngày tháng năm sinh (nếu có):.....
 7. Số CCCD hoặc CMND:
 8. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh):; ngày cấp:; Nơi cấp:.....
 9. Loại xe máy chuyên dùng:.....
 10. Nhãn hiệu (mác, kiểu): 14. Công suất:(kW).....
 11. Màu sơn:..... 15. Năm sản xuất:
 12. Nước sản xuất:..... 16. Số khung:.....
 13. Số động cơ:..... 17. Trọng lượng: (kg)
 18. Kích thước bao (dài x rộng x cao (mm)):.....
- Hiện đã có Giấy chứng nhận đăng ký, biển số là.....Do Sở Giao thông vận tải cấp ngàytháng.....năm.....
- Lý do xin đổi, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký, biển số:.....
- Nội dung khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.
- Đề nghị Sở Giao thông vận tải xem xét đổi, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng đã khai trên.

....., ngày.....tháng.....năm.....

Người khai
(Ký, ghi rõ họ tên)

Phản ghi của Sở Giao thông vận tải:

(Dán trả số động cơ)

(Dán trả số khung)

** chỉ dán trà số động cơ của máy chính*

Cấp theo đăng ký, số biên số cũ:.....

..... ngày.....tháng.....năm

.....

Cán bộ làm thủ tục

(Ký, ghi rõ họ tên)

Trưởng phòng duyệt

(Ký, ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC

(Ký tên, đóng dấu)

** Ghi chú: - Tờ khai lập thành 03 bản:*

- Mục công suất ghi theo hồ sơ kỹ thuật của động cơ chính.

- Cán bộ làm thủ tục phải ký chéo vào vị trí dán trà số động cơ, số khung.

MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ XE MÁY CHUYÊN DÙNG

1. Kích thước:

- Chiều dài: 95 mm,
- Chiều rộng: 60 mm
- Có viền xung quanh rộng 1mm và cách mép ngoài của giấy chứng nhận là 1 mm.

2. Bảo mật chống làm giả: Loại giấy tốt, có hoa văn, nền màu vàng nhạt.

3. Mẫu Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng:

a) Mặt trước:

Tem chống làm giả	BỘ GTVT CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u> Số /XMCD GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ XE MÁY CHUYÊN DÙNG - Tên chủ sở hữu:..... - Tên đồng chủ sở hữu:..... - Địa chỉ:..... - Tên xe máy chuyên dùng:..... Biển số đăng ký:.....
----------------------	---

b) Mặt sau:

ĐẶC ĐIỂM					
Nhãn hiệu:.....	Màu sơn:.....				
Nước sản xuất:.....					
Số động cơ:.....	Số khung:.....				
Công suất động cơ:.....	Trọng lượng:.....Kg				
Kích thước bao (dài x rộng x cao):.....					
- Đăng ký lần đầu: - Sang tên chủ sở hữu: - Cập lại đăng ký: - Mất chứng từ gốc:	<table border="1" style="width: 40px; height: 100px; margin: 0 auto;"> <tr><td> </td></tr> <tr><td> </td></tr> <tr><td> </td></tr> <tr><td> </td></tr> </table> Ngày tháng năm Sở GTVT..... (ký tên, đóng dấu)				

4. Cách ghi:

- a) Chữ và số ghi trong giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng là chữ in, kiểu chữ Unicode, cỡ chữ phù hợp với dòng để trống. Không được viết tay. Tên của giấy chứng nhận đăng ký viết in hoa, màu đỏ.
- b) Tại ô vuông mặt sau đánh dấu "x" tương ứng với từng mục đã in sẵn.
- c) Số thứ tự đăng ký xe máy chuyên dùng có 5 chữ số, bắt đầu từ 00001.
- d) Mục công suất ghi công suất của động cơ chính theo hồ sơ kỹ thuật.

MẪU BIỂN SỐ ĐĂNG KÝ XE MÁY CHUYÊN DÙNG

1. Kích thước biển số

- a) Biển phía trước: Chiều dài: 470 mm; Chiều cao: 110 mm; Chiều dày: 1 mm.
b) Biển phía sau: Chiều dài 280 mm; Chiều cao: 200 xmm: Chiều dày 1 mm.

2. Quy cách

- a) Vật liệu: làm bằng hợp kim nhôm, chống sự hao mòn kim loại cao và được tráng lớp sơn phản quang màu vàng rơm;
b) Đường viền xung quanh: chữ, số được dập nổi và sơn màu đen;
c) Kích cỡ của chữ và số:
- Đường viền xung quanh rộng 5 mm,
- Chiều cao chữ và số 80 mm,
- Chiều rộng của chữ và số 45 mm,
- Chiều rộng nét chữ và số 20 mm,
- Khoảng cách từ mép ngoài biển số đến chữ số đầu tiên và chữ số cuối cùng là 20 mm; khoảng cách giữa chữ và số được chia đều nhau.

3. Nội dung ghi trên biển số :

Biển số đăng ký gồm 8 ký tự được sắp xếp như sau:

--	--	--	--	--	--	--	--

- a) Ký tự **1** và **2** là mã số đăng ký theo Phụ lục 8 của Thông tư này;
b) Ký tự **3** quy định về loại loại bánh xe di chuyển:

L: bánh lốp;

S: Bánh thép, bánh hỗn hợp thép và lốp;

X: bánh xích, bánh hỗn hợp xích và lốp.

- c) Ký tự **4** là một trong những bảng hệ thống chữ cái tiếng Việt sau đây: **A,B,C,D,G,H,K,L,M,N,P,Q,R,S,T,U,V,X;**

- d) Ký tự: **5,6,7,8** là ký hiệu số của biển số xe máy chuyên dùng từ 0001 trở đi.

4. Bố trí các ký tự trên biển số :

- a) Biển phía trước: Các ký tự được bố trí thành một hàng, đầu tiên là các ký tự **1,2,3,4**, tiếp theo là ký hiệu chống làm giả, có chiều dài là 15 mm, chiều rộng là 11 mm, tiếp theo là các ký tự **5,6,7,8**.
b) Biển phía sau: Các ký tự được bố trí thành 2 hàng. Hàng trên gồm các ký tự **1,2,3,4**. Hàng dưới là các ký tự **5,6,7,8**.

Sau đây là ví dụ Biển số đăng ký tại Hà Nội:



Biển số phía trước

29LA - 0001

Biển số phía sau

29 LA

0001



15. Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng bị mất

15.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Chủ sở hữu có xe máy chuyên dùng bị mất Giấy chứng nhận đăng ký, biển số lập hồ sơ theo quy định và nộp tại Sở Giao thông vận tải nơi đã đăng ký xe máy chuyên dùng.
- Khi làm thủ tục đăng ký trực tiếp với cơ quan cấp đăng ký, chủ sở hữu xe máy chuyên dùng phải xuất trình chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn để kiểm tra; trường hợp không chính chủ thì người được ủy quyền phải có giấy ủy quyền của chủ sở hữu theo quy định của pháp luật; người đại diện cho tổ chức phải có giấy giới thiệu của tổ chức đó.

b) Giải quyết TTHC:

- Sở Giao thông vận tải tiếp nhận, kiểm tra nội dung hồ sơ và thông báo cho chủ sở hữu trong thời gian tối đa 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ.
- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định thì Sở Giao thông vận tải hướng dẫn chủ sở hữu bổ sung, hoàn thiện lại.
- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ, Sở Giao thông vận tải đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Sở Giao thông vận tải trong thời hạn 15 ngày. Hết thời gian đăng tải nếu không nhận được ý kiến phản hồi liên quan đến tranh chấp xe máy chuyên dùng đề nghị cấp lại đăng ký, trong thời hạn không quá 3 ngày làm việc Sở Giao thông vận tải cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng cho chủ sở hữu.
- Chủ sở hữu xe máy chuyên dùng có trách nhiệm hoàn thành nộp lệ phí trước khi nhận kết quả thủ tục hành chính.

15.2. Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải nơi đã đăng ký xe máy chuyên dùng.

15.3 Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Tờ khai cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng theo mẫu;
- Bản thông báo công khai trên phương tiện thông tin đại chúng tại địa phương đăng ký theo mẫu.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

15.4. Thời hạn giải quyết:

- Thời hạn Sở thực hiện đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Sở Giao thông vận tải: 02 ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ;
- Thời hạn đăng tải: 15 ngày;

- Thời hạn cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký: 3 ngày làm việc kể từ ngày hết thời gian đăng tải.

15.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

15.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải;
- d) Cơ quan phối hợp: Không có.

15.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

- Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng;
- Biển số đăng ký xe máy chuyên dùng.

15.8. Phí, lệ phí, giá:

- Lệ phí cấp lại giấy đăng ký kèm theo biển số: 200.000 đồng/lần/phương tiện;
- Lệ phí cấp lại giấy đăng ký không kèm theo biển số: 50.000 đồng/lần/phương tiện;

15.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính, mẫu kết quả giải quyết TTHC:

- Tờ khai đổi, cấp lại giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng;
- Bản thông báo công khai trên phương tiện thông tin đại chúng tại địa phương đăng ký;
- Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng;
- Biển số đăng ký xe máy chuyên dùng.

15.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

15.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT ngày 12 tháng 6 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng ký xe máy chuyên dùng;
- Thông tư số 05/2024/TT-BGTVT ngày 31/3/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến lĩnh vực vận tải đường bộ, dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ, phương tiện và người lái;
- Thông tư số 37/2023/TT-BTC ngày 07/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ được hoạt động trên các loại phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI
ĐỔI, CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ, BIỂN SỐ XE MÁY
CHUYÊN DÙNG

1. Tên chủ sở hữu:
 2. Ngày tháng năm sinh (nếu có):.....
 3. Số CCCD hoặc CMND:
 4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh):; ngày cấp:; Nơi cấp:.....
 5. Họ và tên đồng chủ sở hữu (nếu có):.....
 6. Ngày tháng năm sinh (nếu có):.....
 7. Số CCCD hoặc CMND:
 8. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh):; ngày cấp:; Nơi cấp:.....
 9. Loại xe máy chuyên dùng:.....
 10. Nhãn hiệu (mác, kiểu): 14. Công suất:(kW).....
 11. Màu sơn:..... 15. Năm sản xuất:
 12. Nước sản xuất:..... 16. Số khung:.....
 13. Số động cơ:..... 17. Trọng lượng: (kg)
 18. Kích thước bao (dài x rộng x cao (mm)):.....
- Hiện đã có Giấy chứng nhận đăng ký, biển số là.....Do Sở Giao thông vận tải cấp ngàytháng.....năm.....
- Lý do xin đổi, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký, biển số:.....
- Nội dung khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.
- Đề nghị Sở Giao thông vận tải xem xét đổi, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng đã khai trên.

....., ngày.....tháng.....năm.....

Người khai
(Ký, ghi rõ họ tên)

Phản ghi của Sở Giao thông vận tải:

(Dán trả số động cơ)

(Dán trả số khung)

** chỉ dán trà số động cơ của máy chính*

Cấp theo đăng ký, số biên số cũ:.....

..... ngày.....tháng.....năm

.....

Cán bộ làm thủ tục

(Ký, ghi rõ họ tên)

Trưởng phòng duyệt

(Ký, ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC

(Ký tên, đóng dấu)

** Ghi chú: - Tờ khai lập thành 03 bản:*

- Mục công suất ghi theo hồ sơ kỹ thuật của động cơ chính.

- Cán bộ làm thủ tục phải ký chéo vào vị trí dán trà số động cơ, số khung.

**Mẫu Bản thông báo công khai trên phương tiện thông tin đại chúng tại địa
phương đăng ký**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**THÔNG BÁO CÔNG KHAI ĐĂNG KÝ
XE MÁY CHUYÊN DÙNG**

Họ và tên chủ sở hữu:.....Số CMND (Căn cước hoặc hộ chiếu).....

Ngày cấp:.....Nơi cấp:.....

Địa chỉ thường trú:.....

Hiện tôi là chủ sở hữu xe máy chuyên dùng có đặc điểm sau:

Loại xe máy chuyên dùng:.....Màu sơn:.....

Nhãn hiệu (mác, kiểu):.....Công suất:.....

Nước sản xuất:.....Năm sản xuất:.....

Số động cơ:.....Số khung:.....

Kích thước bao (dài x rộng x cao):.....Trọng lượng:.....

Nay tôi xin thông báo công khai, nếu ai có tranh chấp quyền sở hữu chiếc xe máy chuyên dùng nêu trên xin gửi về Sở Giao thông vận tải.....

Sau 07 ngày kể từ khi đăng tải thông báo này, nếu không có tranh chấp, Sở Giao thông vận tải sẽ tiến hành làm thủ tục đăng ký cho tôi theo quy định của pháp luật.

Chủ phương tiện
(Ký, ghi rõ họ tên)

Xác nhận của đơn vị đăng thông báo:

Đã thực hiện thông báo công khai tại:.....

Thời hạn thông báo là 07 ngày: Từ ngày.../.../.... đến ngày.../.../.....

.....,
ngày.....tháng.....năm.....
Thủ trưởng đơn vị thông báo
(Ký tên, đóng dấu)

* Ghi chú:

Bản thông báo này được lưu trong hồ sơ tại Sở Giao thông vận tải.

MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ XE MÁY CHUYÊN DÙNG

1. Kích thước:

- Chiều dài: 95 mm,
- Chiều rộng: 60 mm
- Có viền xung quanh rộng 1mm và cách mép ngoài của giấy chứng nhận là 1 mm.

2. Bảo mật chống làm giả: Loại giấy tốt, có hoa văn, nền màu vàng nhạt.

3. Mẫu Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng:

a) Mặt trước:

Tem chống làm giả	BỘ GTVT CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u> Số /XMCD GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ XE MÁY CHUYÊN DÙNG - Tên chủ sở hữu:..... - Tên đồng chủ sở hữu:..... - Địa chỉ:..... - Tên xe máy chuyên dùng:..... Biển số đăng ký:.....
----------------------	--

b) Mặt sau:

ĐẶC ĐIỂM					
Nhãn hiệu:.....	Màu sơn:.....				
Nước sản xuất:.....					
Số động cơ:.....	Số khung:.....				
Công suất động cơ:.....	Trọng lượng:.....Kg				
Kích thước bao (dài x rộng x cao):.....					
- Đăng ký lần đầu: - Sang tên chủ sở hữu: - Cấp lại đăng ký: - Mất chứng từ gốc:	<table border="1" style="width: 40px; height: 100px; margin: 0 auto;"> <tr><td> </td></tr> <tr><td> </td></tr> <tr><td> </td></tr> <tr><td> </td></tr> </table> Ngày tháng năm Sở GTVT..... (ký tên, đóng dấu)				

4. Cách ghi:

- a) Chữ và số ghi trong giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng là chữ in, kiểu chữ Unicode, cỡ chữ phù hợp với dòng để trống. Không được viết tay. Tên của giấy chứng nhận đăng ký viết in hoa, màu đỏ.
- b) Tại ô vuông mặt sau đánh dấu "x" tương ứng với từng mục đã in sẵn.
- c) Số thứ tự đăng ký xe máy chuyên dùng có 5 chữ số, bắt đầu từ 00001.
- d) Mục công suất ghi công suất của động cơ chính theo hồ sơ kỹ thuật.

MẪU BIỂN SỐ ĐĂNG KÝ XE MÁY CHUYÊN DÙNG

1. Kích thước biển số

- a) Biển phía trước: Chiều dài: 470 mm; Chiều cao: 110 mm; Chiều dày: 1 mm.
b) Biển phía sau: Chiều dài 280 mm; Chiều cao: 200 xmm: Chiều dày 1 mm.

2. Quy cách

- a) Vật liệu: làm bằng hợp kim nhôm, chống sự hao mòn kim loại cao và được tráng lớp sơn phản quang màu vàng rơm;
b) Đường viền xung quanh: chữ, số được dập nổi và sơn màu đen;
c) Kích cỡ của chữ và số:
- Đường viền xung quanh rộng 5 mm,
- Chiều cao chữ và số 80 mm,
- Chiều rộng của chữ và số 45 mm,
- Chiều rộng nét chữ và số 20 mm,
- Khoảng cách từ mép ngoài biển số đến chữ số đầu tiên và chữ số cuối cùng là 20 mm; khoảng cách giữa chữ và số được chia đều nhau.

3. Nội dung ghi trên biển số :

Biển số đăng ký gồm 8 ký tự được sắp xếp như sau:

--	--	--	--	--	--	--	--

- a) Ký tự **1** và **2** là mã số đăng ký theo Phụ lục 8 của Thông tư này;
b) Ký tự **3** quy định về loại loại bánh xe di chuyển:

L: bánh lốp;

S: Bánh thép, bánh hỗn hợp thép và lốp;

X: bánh xích, bánh hỗn hợp xích và lốp.

- c) Ký tự **4** là một trong những bảng hệ thống chữ cái tiếng Việt sau đây: **A,B,C,D,G,H,K,L,M,N,P,Q,R,S,T,U,V,X;**

- d) Ký tự: **5,6,7,8** là ký hiệu số của biển số xe máy chuyên dùng từ 0001 trở đi.

4. Bố trí các ký tự trên biển số :

- a) Biển phía trước: Các ký tự được bố trí thành một hàng, đầu tiên là các ký tự **1,2,3,4**, tiếp theo là ký hiệu chống làm giả, có chiều dài là 15 mm, chiều rộng là 11 mm, tiếp theo là các ký tự **5,6,7,8**.
b) Biển phía sau: Các ký tự được bố trí thành 2 hàng. Hàng trên gồm các ký tự **1,2,3,4**. Hàng dưới là các ký tự **5,6,7,8**.

Sau đây là ví dụ Biển số đăng ký tại Hà Nội:



Biển số phía trước

29LA - 0001

Biển số phía sau

**29 LA
0001**

16. Sang tên chủ sở hữu xe máy chuyên dùng trong cùng một tỉnh, thành phố

16.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Xe máy chuyên dùng được mua bán, cho, tặng, thừa kế trong cùng một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phải thực hiện thủ tục đăng ký sang tên chủ sở hữu. Chủ sở hữu xe máy chuyên dùng lập hồ sơ nộp tại Sở Giao thông vận tải nơi xe máy chuyên dùng đã đăng ký.

- Khi làm thủ tục đăng ký trực tiếp với cơ quan cấp đăng ký, chủ sở hữu xe máy chuyên dùng phải xuất trình chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn để kiểm tra; trường hợp không chính chủ thì người được ủy quyền phải có giấy ủy quyền của chủ sở hữu theo quy định của pháp luật; người đại diện cho tổ chức phải có giấy giới thiệu của tổ chức đó.

b) Giải quyết TTHC:

- Sở Giao thông vận tải tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ và có kết quả thông báo cho chủ sở hữu trong thời gian tối đa 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ.

Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định thì Sở Giao thông vận tải hướng dẫn chủ sở hữu bổ sung, hoàn thiện lại;

Trường hợp hồ sơ đầy đủ theo quy định:

+ Sở Giao thông vận tải có Giấy hẹn kiểm tra. Thời gian kiểm tra xe máy chuyên dùng không quá 05 ngày kể từ ngày viết giấy hẹn.

Đối với trường hợp xe máy chuyên dùng đang hoạt động, tập kết ngoài địa phương cấp đăng ký thì Sở Giao thông vận tải nhận hồ sơ có văn bản đề nghị Sở Giao thông vận tải nơi có xe máy chuyên dùng đang hoạt động, tập kết kiểm tra xe máy chuyên dùng, thời hạn kiểm tra không quá 05 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị.

+ Sở Giao thông vận tải tổ chức kiểm tra xe máy chuyên dùng theo thời gian và địa điểm ghi trong giấy hẹn, việc kiểm tra xe máy chuyên dùng phải lập thành Biên bản kiểm tra xe máy chuyên dùng.

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra: trường hợp kết quả kiểm tra đạt yêu cầu, Sở Giao thông vận tải cấp Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng theo tên của chủ sở hữu mới, giữ nguyên biển số cũ đã cấp, cắt góc phía trên bên phải Giấy chứng nhận đăng ký của chủ sở hữu cũ, vào Sổ quản lý đăng ký xe máy chuyên dùng. Trường hợp không cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Chủ sở hữu xe máy chuyên dùng có trách nhiệm hoàn thành nộp lệ phí trước khi nhận kết quả thủ tục hành chính.

16.2. Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải nơi xe máy chuyên dùng đã đăng ký.

16.3 Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Tờ khai đăng ký xe máy chuyên dùng theo mẫu;
- Bản chính giấy tờ xác định quyền sở hữu xe máy chuyên dùng (là một trong những giấy tờ sau):
 - + Hợp đồng mua bán, cho tặng hoặc văn bản thừa kế theo quy định của pháp luật;
 - + Hóa đơn bán hàng theo quy định của Bộ Tài chính;
 - + Văn bản của cấp có thẩm quyền đồng ý thanh lý xe theo quy định của pháp luật;
 - + Văn bản của bên cho thuê tài chính đồng ý cho bên thuê xe máy chuyên dùng được đăng ký quyền sở hữu theo quy định của pháp luật;
 - + Quyết định tiếp nhận viện trợ của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;
 - + Quyết định xuất, bán hàng dự trữ quốc gia của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

(Trường hợp nhiều xe chung một giấy tờ giấy tờ xác định quyền sở hữu xe máy chuyên dùng thì tổ chức, cá nhân khi đăng ký phải nộp bản chính và bản sao cho mỗi xe tại Sở Giao thông vận tải nơi đăng ký (trừ trường hợp Xe máy chuyên dùng chưa đăng ký, khi di chuyển trên đường bộ phải được đăng ký tạm thời). Sở Giao thông vận tải nơi đăng ký có trách nhiệm xác nhận bằng văn bản với tổ chức, cá nhân đăng ký về việc đang lưu giữ bản chính).

- Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng đã được cấp (bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực).

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

16.4. Thời hạn giải quyết:

- Thời hạn kiểm tra hồ sơ, viết giấy hẹn kiểm tra: 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ;
- Thời hạn kiểm tra: không quá 05 ngày kể từ ngày viết giấy hẹn; trường hợp xe máy chuyên dùng đang hoạt động, tập kết ngoài địa phương cấp đăng ký: thời hạn kiểm tra không quá 05 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị;
- Thời hạn cấp giấy chứng nhận đăng ký, biển số: 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra hoặc nhận được kết quả kiểm tra đối với trường hợp xe máy chuyên dùng đang hoạt động, tập kết ngoài địa phương cấp đăng ký.

16.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

16.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải;



d) Cơ quan phối hợp: Không có.

16.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

- Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng.

16.8. Phí, lệ phí, giá:

- Lệ phí cấp giấy đăng ký không kèm theo biển số: 50.000 đồng/lần/phương tiện;

16.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính, mẫu kết quả giải quyết TTHC:

- Tờ khai đăng ký xe máy chuyên dùng;

- Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng.

16.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

16.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT ngày 12 tháng 6 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng ký xe máy chuyên dùng;

- Thông tư số 05/2024/TT-BGTVT ngày 31/3/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến lĩnh vực vận tải đường bộ, dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ, phương tiện và người lái;

- Thông tư số 37/2023/TT-BTC ngày 07/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ được hoạt động trên các loại phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI
ĐĂNG KÝ XE MÁY CHUYÊN DÙNG

1. Tên chủ sở hữu:
2. Ngày tháng năm sinh (nếu có):.....
3. Số CCCD hoặc CMND:
4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh):; ngày cấp:; Nơi cấp:.....
5. Họ và tên đồng chủ sở hữu (nếu có):.....
6. Ngày tháng năm sinh (nếu có):.....
7. Số CCCD hoặc CMND:
8. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh):; ngày cấp:; Nơi cấp:.....
9. Loại xe máy chuyên dùng:.....
10. Nhãn hiệu (mác, kiểu): 14. Công suất:(kW).....
11. Màu sơn:..... 15. Năm sản xuất:
12. Nước sản xuất:..... 16. Số khung:.....
13. Số động cơ:..... 17. Trọng lượng: (kg)
18. Kích thước bao (dài x rộng x cao (mm)):.....
19. Giấy tờ kèm theo nếu có:

TT	Số của giấy tờ	Trích yếu nội dung	Nơi cấp giấy tờ	Ngày cấp	Số trang
1					
2					
3					

Nội dung khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật. Đề nghị Sở Giao thông vận tảixem xét cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số cho chiếc xe máy chuyên dùng khai trên.

....., ngày.....tháng.....năm.....

Người khai
(Ký, ghi rõ họ tên)



Phần ghi của Sở Giao thông vận tải:*(Dán trà số động cơ)**(Dán trà số khung)*** chỉ dán trà số động cơ của máy chính**- Đăng ký lần đầu ☐;**Số biển số cũ (nếu có):.....Biển số đề nghị cấp***Cán bộ làm thủ tục**
*(Ký, ghi rõ họ tên)***Trưởng phòng duyệt**
*(Ký, ghi rõ họ tên)***GIÁM ĐỐC**
*(Ký tên, đóng dấu)***Ghi chú: - Đánh dấu “x” vào các ô tương ứng;**- Mục công suất ghi theo hồ sơ kỹ thuật của động cơ chính;**- Cán bộ làm thủ tục phải ký chéo vào vị trí dán trà số động cơ, số khung.*

MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ XE MÁY CHUYÊN DÙNG

1. Kích thước:

- Chiều dài: 95 mm,
- Chiều rộng: 60 mm
- Có viền xung quanh rộng 1mm và cách mép ngoài của giấy chứng nhận là 1 mm.

2. Bảo mật chống làm giả: Loại giấy tốt, có hoa văn, nền màu vàng nhạt.

3. Mẫu Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng:

a) Mặt trước:

Tem chống làm giả	BỘ GTVT CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u> Số /XMCD GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ XE MÁY CHUYÊN DÙNG - Tên chủ sở hữu:..... - Tên đồng chủ sở hữu:..... - Địa chỉ:..... - Tên xe máy chuyên dùng:..... Biển số đăng ký:.....
-------------------------	---

b) Mặt sau:

ĐẶC ĐIỂM	
Nhãn hiệu:.....	Màu sơn:.....
Nước sản xuất:.....	
Số động cơ:.....	Số khung:.....
Công suất động cơ:.....	Trọng lượng:.....Kg
Kích thước bao (dài x rộng x cao):.....	
- Đăng ký lần đầu: - Sang tên chủ sở hữu: - Cấp lại đăng ký: - Mất chứng từ gốc:	Ngày tháng năm Sở GTVT..... (ký tên, đóng dấu)

4. Cách ghi:

- a) Chữ và số ghi trong giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng là chữ in, kiểu chữ Unicode, cỡ chữ phù hợp với dòng để trống. Không được viết tay. Tên của giấy chứng nhận đăng ký viết in hoa, màu đỏ.
- b) Tại ô vuông mặt sau đánh dấu "x" tương ứng với từng mục đã in sẵn.
- c) Số thứ tự đăng ký xe máy chuyên dùng có 5 chữ số, bắt đầu từ 00001.
- d) Mục công suất ghi công suất của động cơ chính theo hồ sơ kỹ thuật.

17. Di chuyển đăng ký xe máy chuyên dùng ở khác tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

17.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Xe máy chuyên dùng được mua bán, được cho, tặng, thừa kế khác tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phải làm thủ tục di chuyển, đăng ký sang tên chủ sở hữu. Chủ sở hữu xe máy chuyên dùng lập hồ sơ nộp tại Sở Giao thông vận tải nơi xe máy chuyên dùng đã đăng ký.

- Khi làm thủ tục đăng ký trực tiếp với cơ quan cấp đăng ký, chủ sở hữu xe máy chuyên dùng phải xuất trình chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn để kiểm tra; trường hợp không chính chủ thì người được ủy quyền phải có giấy ủy quyền của chủ sở hữu theo quy định của pháp luật; người đại diện cho tổ chức phải có giấy giới thiệu của tổ chức đó.

b) Giải quyết TTHC:

- Sở Giao thông vận tải tiếp nhận, kiểm tra nội dung hồ sơ và có kết quả thông báo cho chủ sở hữu trong thời gian tối đa 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ.

- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định thì Sở Giao thông vận tải hướng dẫn chủ sở hữu bổ sung, hoàn thiện lại.

- Trường hợp hồ sơ đầy đủ theo quy định, trong thời gian không quá 03 ngày làm việc, Sở Giao thông vận tải cấp Phiếu di chuyển đăng ký xe máy chuyên dùng, thu lại biển số, cắt góc phía trên bên phải Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng, vào Sổ quản lý và trả hồ sơ xe máy chuyên dùng đã đăng ký cho chủ sở hữu. Trường hợp không cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Chủ sở hữu xe máy chuyên dùng có trách nhiệm hoàn thành nộp lệ phí trước khi nhận kết quả thủ tục hành chính.

17.2. Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải nơi xe máy chuyên dùng đã đăng ký.

17.3 Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Tờ khai di chuyển đăng ký xe máy chuyên dùng theo mẫu;

- Bản chính giấy tờ xác định quyền sở hữu xe máy chuyên dùng (là một trong những giấy tờ sau):

+ Hợp đồng mua bán, cho tặng hoặc văn bản thừa kế theo quy định của pháp luật;

+ Hóa đơn bán hàng theo quy định của Bộ Tài chính;

+ Văn bản của cấp có thẩm quyền đồng ý thanh lý xe theo quy định của pháp luật;

+ Văn bản của bên cho thuê tài chính đồng ý cho bên thuê xe máy chuyên dùng được đăng ký quyền sở hữu theo quy định của pháp luật;



+ Quyết định tiếp nhận viện trợ của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;

+ Quyết định xuất, bán hàng dự trữ quốc gia của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

(Trường hợp nhiều xe chung một giấy tờ giấy tờ xác định quyền sở hữu xe máy chuyên dùng thì tổ chức, cá nhân khi đăng ký phải nộp bản chính và bản sao cho mỗi xe tại Sở Giao thông vận tải nơi đăng ký (trừ trường hợp Xe máy chuyên dùng chưa đăng ký, khi di chuyển trên đường bộ phải được đăng ký tạm thời). Sở Giao thông vận tải nơi đăng ký có trách nhiệm xác nhận bằng văn bản với tổ chức, cá nhân đăng ký về việc đang lưu giữ bản chính).

- Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng đã được cấp (bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực).

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

17.4. Thời hạn giải quyết:

- 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định.

17.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

17.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

17.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

- Phiếu di chuyển đăng ký xe máy chuyên dùng.

17.8. Phí, lệ phí, giá: Không có.

17.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính, mẫu kết quả giải quyết TTHC:

- Tờ khai di chuyển đăng ký xe máy chuyên dùng;

- Phiếu di chuyển đăng ký xe máy chuyên dùng.

17.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

17.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT ngày 12 tháng 6 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng ký xe máy chuyên dùng;

- Thông tư số 05/2024/TT-BGTVT ngày 31/3/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến lĩnh vực vận tải đường bộ, dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ, phương tiện và người lái.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI
DI CHUYỂN ĐĂNG KÝ XE MÁY CHUYÊN DÙNG

1. Tên chủ sở hữu:
 2. Ngày tháng năm sinh (nếu có):.....
 3. Số CCCD hoặc CMND:
 4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh):; ngày cấp:; Nơi cấp:.....
 5. Họ và tên đồng chủ sở hữu (nếu có):.....
 6. Ngày tháng năm sinh (nếu có):.....
 7. Số CCCD hoặc CMND:
 8. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh):; ngày cấp:; Nơi cấp:.....
 9. Loại xe máy chuyên dùng:.....
 10. Nhãn hiệu (mác, kiểu): 14. Công suất:(kW).....
 11. Màu sơn:..... 15. Năm sản xuất:
 12. Nước sản xuất:..... 16. Số khung:.....
 13. Số động cơ:..... 17. Trọng lượng: (kg)
 18. Kích thước bao (dài x rộng x cao (mm)):.....
- Biển số đăng ký:.....Ngày cấp.....Cơ quan cấp.....
- Nay tôi xin được di chuyển xe máy chuyên dùng nói trên đến Sở Giao thông vận tảiđể được tiếp tục đăng ký.

....., ngày.....tháng.....năm
Chủ phương tiện
(Ký, ghi rõ họ tên)

Phần ghi của Sổ Giao thông vận tải nơi chuyển đi:

Đã di chuyển đăng ký xe máy chuyên dùng Biển đăng ký:..... đến Sở
Giao thông vận tải:.....

..... ngày.....tháng.....năm

Cán bộ làm thủ tục

(Ký, ghi rõ họ tên)

Trưởng phòng duyệt

(Ký, ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC

(Ký tên, đóng dấu)

* Ghi chú: Tờ khai lập thành 02 bản:

- 01 Cho chủ sở hữu kèm hồ sơ;
- 01 Lưu tại Sở GTVT nơi di chuyển đi.

**Tên Sở Giao thông vận tải đi chuyển đi CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../DC-XMCD

..... ngày.....tháng.....năm

PHIẾU DI CHUYỂN ĐĂNG KÝ XE MÁY CHUYÊN DÙNG

1. Tên chủ sở hữu:
 2. Ngày tháng năm sinh (nếu có):.....
 3. Số CCCD hoặc CMND:
 4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh):; ngày cấp:; Nơi cấp:.....
 5. Họ và tên đồng chủ sở hữu (nếu có):.....
 6. Ngày tháng năm sinh (nếu có):.....
 7. Số CCCD hoặc CMND:
 8. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh):; ngày cấp:; Nơi cấp:.....
 9. Loại xe máy chuyên dùng:.....
 10. Nhãn hiệu (mác, kiểu): 14. Công suất:(kW).....
 11. Màu sơn:..... 15. Năm sản xuất:
 12. Nước sản xuất:..... 16. Số khung:.....
 13. Số động cơ:..... 17. Trọng lượng: (kg)
 18. Kích thước bao (dài x rộng x cao (mm)):.....
- Biển số đăng ký:.....đã được Sở Giao thông vận tải cấp.....
ngày/...../
- Nay di chuyển đến Sở Giao thông vận tải.....để làm thủ tục cấp
đăng ký cho chủ phương tiện.
- Các loại giấy tờ kèm theo hồ sơ, bao gồm:

TT	Số của giấy tờ	Trích yếu nội dung	Nơi cấp giấy tờ	Ngày cấp	Số trang
1					
2					
3					
...					

..... ngày.....tháng.....năm

Cán bộ làm thủ tục
(Ký, ghi rõ họ tên)

Trưởng phòng duyệt
(Ký, ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC
(Ký tên, đóng dấu)

** Phiếu này được lập thành 03 bản:*

- *Gửi Cục Đường bộ Việt Nam 01 bản;*
- *Gửi Sở Giao thông vận tải nơi di chuyển đến 01 bản;*
- *Lưu tại Sở Giao thông vận tải nơi di chuyển đi 01 bản*

18. Đăng ký xe máy chuyên dùng từ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác chuyển đến

18.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Chủ sở hữu xe máy chuyên dùng lập 01 (một) bộ hồ sơ theo quy định nộp tại Sở Giao thông vận tải nơi xe máy chuyên dùng chuyển đến;
- Khi làm thủ tục đăng ký trực tiếp với cơ quan cấp đăng ký, chủ sở hữu xe máy chuyên dùng phải xuất trình chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn để kiểm tra; trường hợp không chính chủ thì người được ủy quyền phải có giấy ủy quyền của chủ sở hữu theo quy định của pháp luật; người đại diện cho tổ chức phải có giấy giới thiệu của tổ chức đó.

b) Giải quyết TTHC:

- Sở Giao thông vận tải tiếp nhận, kiểm tra nội dung hồ sơ và có kết quả thông báo cho chủ sở hữu trong thời gian tối đa 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ.

Trường hợp hồ sơ đăng ký chưa đầy đủ theo quy định thì Sở Giao thông vận tải hướng dẫn chủ sở hữu bổ sung, hoàn thiện lại;

- Trường hợp hồ sơ đăng ký đầy đủ theo quy định thì Sở Giao thông vận tải có Giấy hẹn kiểm tra. Thời gian kiểm tra xe máy chuyên dùng không quá 05 ngày kể từ ngày viết giấy hẹn.

Đối với trường hợp xe máy chuyên dùng đang hoạt động, tập kết ngoài địa phương cấp đăng ký thì Sở Giao thông vận tải nhận hồ sơ có văn bản đề nghị Sở Giao thông vận tải nơi có xe máy chuyên dùng đang hoạt động, tập kết kiểm tra xe máy chuyên dùng, thời hạn kiểm tra không quá 05 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị.

- Sở Giao thông vận tải tổ chức kiểm tra xe máy chuyên dùng theo thời gian và địa điểm ghi trong giấy hẹn, việc kiểm tra xe máy chuyên dùng phải lập thành Biên bản kiểm tra xe máy chuyên dùng.

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra hoặc nhận được kết quả kiểm tra đối với trường hợp xe máy chuyên dùng đang hoạt động, tập kết ngoài địa phương cấp đăng ký: trường hợp kết quả kiểm tra các hạng mục trong Biên bản đạt yêu cầu, Sở Giao thông vận tải cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biên số cho chủ sở hữu xe máy chuyên dùng và vào sổ quản lý đăng ký xe máy chuyên dùng; trường hợp kết quả kiểm tra không đạt yêu cầu thì thông báo cho chủ phương tiện và nêu rõ lý do.

- Chủ sở hữu xe máy chuyên dùng có trách nhiệm hoàn thành nộp lệ phí trước khi nhận kết quả thủ tục hành chính.



18.2. Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải nơi xe máy chuyên dùng chuyển đến.

18.3 Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Tờ khai đăng ký xe máy chuyên dùng theo mẫu quy định;
- Bản chính Phiếu di chuyển đăng ký xe máy chuyên dùng đã được cấp theo quy định kèm theo hồ sơ xe máy chuyên dùng đã đăng ký.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

18.4. Thời hạn giải quyết:

- Thời hạn kiểm tra hồ sơ, viết giấy hẹn kiểm tra: 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ;
- Thời hạn kiểm tra: không quá 05 ngày kể từ ngày viết giấy hẹn; trường hợp xe máy chuyên dùng đang hoạt động, tập kết ngoài địa phương cấp đăng ký: thời hạn kiểm tra không quá 05 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị;
- Thời hạn cấp giấy chứng nhận đăng ký, biển số: 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra hoặc nhận được kết quả kiểm tra đối với trường hợp xe máy chuyên dùng đang hoạt động, tập kết ngoài địa phương cấp đăng ký.

18.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

18.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải;
- d) Cơ quan phối hợp: Không có.

18.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

- Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng;
- Biển số đăng ký xe máy chuyên dùng.

18.8. Phí, lệ phí, giá:

- Lệ phí cấp giấy đăng ký kèm theo biển số: 200.000 đồng/lần/phương tiện;

18.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính, mẫu kết quả giải quyết TTHC:

- Tờ khai đăng ký xe máy chuyên dùng;
- Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng;
- Biển số đăng ký xe máy chuyên dùng.



18.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

18.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT ngày 12 tháng 6 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng ký xe máy chuyên dùng;
- Thông tư số 05/2024/TT-BGTVT ngày 31/3/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến lĩnh vực vận tải đường bộ, dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ, phương tiện và người lái;
- Thông tư số 37/2023/TT-BTC ngày 07/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ được hoạt động trên các loại phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI
ĐĂNG KÝ XE MÁY CHUYÊN DÙNG

1. Tên chủ sở hữu:
2. Ngày tháng năm sinh (nếu có):.....
3. Số CCCD hoặc CMND:
4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh):; ngày cấp:; Nơi cấp:.....
5. Họ và tên đồng chủ sở hữu (nếu có):.....
6. Ngày tháng năm sinh (nếu có):.....
7. Số CCCD hoặc CMND:
8. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh):; ngày cấp:; Nơi cấp:.....
9. Loại xe máy chuyên dùng:.....
10. Nhãn hiệu (mác, kiểu): 14. Công suất:(kW).....
11. Màu sơn:..... 15. Năm sản xuất:
12. Nước sản xuất:..... 16. Số khung:.....
13. Số động cơ:..... 17. Trọng lượng: (kg)
18. Kích thước bao (dài x rộng x cao (mm)):.....
19. Giấy tờ kèm theo nếu có:

TT	Số của giấy tờ	Trích yếu nội dung	Nơi cấp giấy tờ	Ngày cấp	Số trang
1					
2					
3					

Nội dung khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật. Đề nghị Sở Giao thông vận tảixem xét cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số cho chiếc xe máy chuyên dùng khai trên.

....., ngày.....tháng.....năm.....

Người khai
(Ký, ghi rõ họ tên)



Phần ghi của Sở Giao thông vận tải:*(Dán trà số động cơ)**(Dán trà số khung)*** chỉ dán trà số động cơ của máy chính**- Đăng ký lần đầu ☐;**Số biển số cũ (nếu có):.....Biển số đề nghị cấp***Cán bộ làm thủ tục**
*(Ký, ghi rõ họ tên)***Trưởng phòng duyệt**
*(Ký, ghi rõ họ tên)***GIÁM ĐỐC**
*(Ký tên, đóng dấu)***Ghi chú: - Đánh dấu “x” vào các ô tương ứng;**- Mục công suất ghi theo hồ sơ kỹ thuật của động cơ chính;**- Cán bộ làm thủ tục phải ký chéo vào vị trí dán trà số động cơ, số khung.*

MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ XE MÁY CHUYÊN DÙNG

1. Kích thước:

- Chiều dài: 95 mm,
- Chiều rộng: 60 mm
- Có viền xung quanh rộng 1mm và cách mép ngoài của giấy chứng nhận là 1 mm.

2. Bảo mật chống làm giả: Loại giấy tốt, có hoa văn, nền màu vàng nhạt.

3. Mẫu Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng:

a) Mặt trước:

Tem chống làm giả	BỘ GTVT CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u> Số /XMCD GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ XE MÁY CHUYÊN DÙNG - Tên chủ sở hữu:..... - Tên đồng chủ sở hữu:..... - Địa chỉ:..... - Tên xe máy chuyên dùng:..... Biển số đăng ký:.....
----------------------	---

b) Mặt sau:

ĐẶC ĐIỂM					
Nhãn hiệu:.....	Màu sơn:.....				
Nước sản xuất:.....					
Số động cơ:.....	Số khung:.....				
Công suất động cơ:.....	Trọng lượng:.....Kg				
Kích thước bao (dài x rộng x cao):.....					
- Đăng ký lần đầu: - Sang tên chủ sở hữu: - Cấp lại đăng ký: - Mất chứng từ gốc:	<table border="1" style="width: 40px; height: 100px; margin: 0 auto;"> <tr><td> </td></tr> <tr><td> </td></tr> <tr><td> </td></tr> <tr><td> </td></tr> </table> Ngày tháng năm Sở GTVT..... (ký tên, đóng dấu)				

4. Cách ghi:

- a) Chữ và số ghi trong giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng là chữ in, kiểu chữ Unicode, cỡ chữ phù hợp với dòng để trống. Không được viết tay. Tên của giấy chứng nhận đăng ký viết in hoa, màu đỏ.
- b) Tại ô vuông mặt sau đánh dấu "x" tương ứng với từng mục đã in sẵn.
- c) Số thứ tự đăng ký xe máy chuyên dùng có 5 chữ số, bắt đầu từ 00001.
- d) Mục công suất ghi công suất của động cơ chính theo hồ sơ kỹ thuật.

MẪU BIỂN SỐ ĐĂNG KÝ XE MÁY CHUYÊN DÙNG

1. Kích thước biển số

- a) Biển phía trước: Chiều dài: 470 mm; Chiều cao: 110 mm; Chiều dày: 1 mm.
b) Biển phía sau: Chiều dài 280 mm; Chiều cao: 200 xmm: Chiều dày 1 mm.

2. Quy cách

- a) Vật liệu: làm bằng hợp kim nhôm, chống sự hao mòn kim loại cao và được tráng lớp sơn phản quang màu vàng rơm;
b) Đường viền xung quanh: chữ, số được dập nổi và sơn màu đen;
c) Kích cỡ của chữ và số:
- Đường viền xung quanh rộng 5 mm,
- Chiều cao chữ và số 80 mm,
- Chiều rộng của chữ và số 45 mm,
- Chiều rộng nét chữ và số 20 mm,
- Khoảng cách từ mép ngoài biển số đến chữ số đầu tiên và chữ số cuối cùng là 20 mm; khoảng cách giữa chữ và số được chia đều nhau.

3. Nội dung ghi trên biển số :

Biển số đăng ký gồm 8 ký tự được sắp xếp như sau:

--	--	--	--	--	--	--	--

- a) Ký tự **1** và **2** là mã số đăng ký theo Phụ lục 8 của Thông tư này;
b) Ký tự **3** quy định về loại loại bánh xe di chuyển:

L: bánh lốp;

S: Bánh thép, bánh hỗn hợp thép và lốp;

X: bánh xích, bánh hỗn hợp xích và lốp.

- c) Ký tự **4** là một trong những bảng hệ thống chữ cái tiếng Việt sau đây: **A,B,C,D,G,H,K,L,M,N,P,Q,R,S,T,U,V,X;**

- d) Ký tự: **5,6,7,8** là ký hiệu số của biển số xe máy chuyên dùng từ 0001 trở đi.

4. Bố trí các ký tự trên biển số :

- a) Biển phía trước: Các ký tự được bố trí thành một hàng, đầu tiên là các ký tự **1,2,3,4**, tiếp theo là ký hiệu chống làm giả, có chiều dài là 15 mm, chiều rộng là 11 mm, tiếp theo là các ký tự **5,6,7,8**.
b) Biển phía sau: Các ký tự được bố trí thành 2 hàng. Hàng trên gồm các ký tự **1,2,3,4**. Hàng dưới là các ký tự **5,6,7,8**.

Sau đây là ví dụ Biển số đăng ký tại Hà Nội:



Biển số phía trước

29LA - 0001

Biển số phía sau

**29 LA
0001**



19. Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng

19.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Chủ sở hữu xe máy chuyên dùng lập 01 (một) bộ hồ sơ theo quy định nộp tại Sở Giao thông vận tải nơi đã đăng ký;
- Khi làm thủ tục đăng ký trực tiếp với cơ quan cấp đăng ký, chủ sở hữu xe máy chuyên dùng phải xuất trình chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn để kiểm tra; trường hợp không chính chủ thì người được ủy quyền phải có giấy ủy quyền của chủ sở hữu theo quy định của pháp luật; người đại diện cho tổ chức phải có giấy giới thiệu của tổ chức đó.

b) Giải quyết TTHC:

- Sở Giao thông vận tải tiếp nhận hồ sơ, thu lại Giấy chứng nhận đăng ký, biển số, vào Sổ quản lý đăng ký xe máy chuyên dùng và trả lại hồ sơ đăng ký cho chủ sở hữu trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ.
- Trường hợp cơ quan có thẩm quyền phát hiện có vi phạm quy định về cấp đăng ký, biển số, Sở Giao thông vận tải ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký, biển số đã cấp và công bố trên Trang thông tin điện tử của Sở Giao thông vận tải.

19.2. Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải nơi đã đăng ký.

19.3 Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Tờ khai thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng theo mẫu;
- Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng, biển số (trừ trường hợp bị mất).

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

19.4. Thời hạn giải quyết:

- 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ.

19.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

19.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải;
- d) Cơ quan phối hợp: Không có.



19.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

- Thu lại Giấy chứng nhận đăng ký, biển số, vào Sổ quản lý đăng ký xe máy chuyên dùng.

19.8. Phí, lệ phí, giá: Không có.**19.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính, mẫu kết quả giải quyết TTHC:**

- Tờ khai thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng.

19.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.**19.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT ngày 16/6/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng ký xe máy chuyên dùng;

- Thông tư số 05/2024/TT-BGTVT ngày 31/3/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến lĩnh vực vận tải đường bộ, dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ, phương tiện và người lái.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI
THU HỒI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ, BIỂN SỐ XE MÁY CHUYÊN DÙNG

1. Tên chủ sở hữu:
 2. Ngày tháng năm sinh (nếu có):.....
 3. Số CCCD hoặc CMND:
 4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh):; ngày cấp:; Nơi cấp:.....
 5. Họ và tên đồng chủ sở hữu (nếu có):.....
 6. Ngày tháng năm sinh (nếu có):.....
 7. Số CCCD hoặc CMND:
 8. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh):; ngày cấp:; Nơi cấp:.....
 9. Loại xe máy chuyên dùng:.....
 10. Nhãn hiệu (mác, kiểu): 14. Công suất:(kW).....
 11. Màu sơn:..... 15. Năm sản xuất:
 12. Nước sản xuất:..... 16. Số khung:.....
 13. Số động cơ:..... 17. Trọng lượng: (kg)
 18. Kích thước bao (dài x rộng x cao (mm)):.....
- Hiện đã có Giấy chứng nhận đăng ký, biển số là.....
- Do Sở Giao thông vận tải.....cấp ngày ...tháng...năm.....
- Lý do xin thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký, biển số:.....
- Nội dung khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.
- Đề nghị..... thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng đã khai trên.

....., ngày.....tháng.....năm.....

Người khai
(Ký, ghi rõ họ tên)

Phần ghi của Sở Giao thông vận tải:

Số biển số:.....Ngày cấp:.....Số đăng ký quản lý:.....



Đã thu hồi giấy chứng nhận đăng ký và biển số ngày .../...../

Lưu hồ sơ đăng ký tại Sở Giao thông vận tải.....

Cán bộ làm thủ tục

(Ký, ghi rõ họ tên)

Trưởng phòng duyệt

(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(Ký tên, đóng dấu)

** Ghi chú: Tờ khai lập thành 03 bản:*

- Chủ sở hữu xe máy chuyên dùng 02 bản;

- Sở Giao thông vận tải lưu hồ sơ 01 bản.